

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG  
HẬU

-----o0o-----

Số: 07.2020/HHA/CV

(V/v CBTT định kỳ: Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường  
niên năm tài chính 2020)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----☎-----

TP.HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2019

**Kính gửi: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội;  
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
  2. Mã chứng khoán: SJ1
  3. Địa chỉ liên lạc: 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM
  4. Điện thoại: 028. 3974 1135 – 028. 3974 1136 Fax: 028. 3974 1280
  5. Email: [info@hungchau.vn](mailto:info@hungchau.vn)
  6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Từ Thanh Phụng – Tổng Giám đốc
  7. Nội dung công bố thông tin: Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020.
  8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin trên: [www.agri.hungchau.vn](http://www.agri.hungchau.vn)
- Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

**\* Tài liệu đính kèm:**

- Tài liệu họp ĐHĐCĐ 2020;

**Người thực hiện CBTT**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**TÚ THANH PHỤNG**



## CHƯƠNG TRÌNH

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



Địa điểm:

Khách sạn REXU

Địa chỉ:

Số 141 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh

Thời gian:

Bắt đầu lúc 08h00, ngày 19/01/2019 (thứ Bảy)

Thời gian	Nội dung
	<b>A. THỦ TỤC KHAI MỤC ĐẠI HỘI</b>
8h00 – 8h30	Đón tiếp Quý đại biểu, Cổ đông, khách mời; Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự và phát tài liệu họp.
8h30 – 9h00	Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự; Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông; Thông qua và giới thiệu: + Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; + Danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu; + Quy chế để cử, bầu cử bổ sung Thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2025.
9h00 – 10h45	<b>B. NỘI DUNG CHÍNH</b> 1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch năm 2020 2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và định hướng kế hoạch năm 2020 3. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 4. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019. 5. Trình Đại hội thông qua: - Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019; - Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 - Thay đổi cơ cấu quản trị kiểm soát Công ty - Thù lao, thưởng HĐQT, Thư ký HĐQT năm 2020 - Bổ sung ngành nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty - Thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT - Không thực hiện thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư dự án SJ1 Plaza - Tìm kiếm và quyết định phương án đầu tư vào Dự án Cụm công nghiệp An Hòa - Thực hiện bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025 - Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ 6. Biểu quyết các vấn đề trình Đại hội và Bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025
10h45 – 11h00	<b>C. GIẢI LAO</b>
11h00 – 11h20	<b>D. CÔNG BỐ KẾT QUẢ VÀ HỎI ĐÁP</b> Ban Kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết các vấn đề tại Đại hội; Hỏi và Đáp.
11h20 – 11h30	<b>E. KẾT THÚC ĐẠI HỘI</b> Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội năm tài chính 2020; Tuyên bố bế mạc Đại hội.





## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Trụ sở : 1004A Âu Cơ, P.Phú Trung, Q.Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.28) 3974 1135 / Fax : (84.28) 3974 1280

Website : www.agri.hunghau.vn / Email: Info@hunghau.vn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 12 năm 2019

### THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

Kính gửi: Quý Cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu trân trọng thông báo và kính mời quý Cổ đông đến dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2020 như sau:

**1. Thời gian: 8 giờ 00, thứ Bảy, ngày 28 tháng 12 năm 2019.**

**2. Địa điểm: Khách sạn REX – Số 141 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh.**

**3. Nội dung: Đại hội thảo luận và thông qua các vấn đề:**

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và phương hướng kế hoạch năm 2020.
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019.
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019.
- Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019.
- Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
- Chào bán cổ phiếu ra công chúng.
- Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.
- Thay đổi cơ cấu quản trị kiểm soát Công ty.
- Thù lao, thưởng HĐQT, Thư ký HĐQT năm 2020.
- Thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.
- Không thực hiện thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư dự án SJ1 Plaza.
- Đầu tư vào Dự án Cụm công nghiệp An Hòa.
- Thực hiện bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025.
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (nếu có).

**4. Thành phần, điều kiện tham dự:**

- Cổ đông có tên theo danh sách do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM chốt vào ngày đăng ký cuối cùng 10/12/2019.
- Khi đến tham dự, quý Cổ đông vui lòng mang theo thư mời, giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền tham dự), Căn cước công dân, giấy CMND hoặc Hộ chiếu.
- Để công tác tổ chức và đón tiếp được chu đáo, quý Cổ đông vui lòng xác nhận tham dự Đại hội qua điện thoại/ gửi thư/ email hoặc fax giấy ủy quyền (nếu ủy quyền cho người khác) tham dự Đại hội trước 16 giờ 00, ngày 26/12/2019 theo địa chỉ ghi phía trên thông báo.



*Lưu*



## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HƯNG HẬU

Trụ sở : 1004A Âu Cơ, P.Phù Trung, Q.Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.28) 3974 1135 / Fax : (84.28) 3974 1280

Website : [www.agri.hunghau.vn](http://www.agri.hunghau.vn) / Email: [Info@hunghau.vn](mailto:Info@hunghau.vn)

- Thông báo này thay thư mời trong trường hợp Quý cổ đông chưa nhận được thư mời họp.

### 5. Tài liệu phục vụ Đại hội:

- Toàn bộ tài liệu phục vụ Đại hội, quý Cổ đông có thể đến nhận tại Trụ sở Công ty hoặc tải từ website <http://agri.hunghau.vn/vi/quan-he-co-dong/> từ ngày 18/12/2019.
- Toàn bộ tài liệu phục vụ Đại hội sẽ cung cấp trực tiếp cho quý Cổ đông tại Đại hội.

Rất hân hạnh đón tiếp quý Cổ đông.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



TRẦN VĂN HẬU



*Handwritten signature*





**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2019

## **QUY CHẾ LÀM VIỆC**

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ Quy chế hoạt động Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu,

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm tài chính 2020 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, đồng thời hướng dẫn cho cổ đông tham gia Đại hội và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 xin báo cáo ĐHĐCĐ thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

#### **ĐIỀU 1. CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐHĐCĐ**

1. Cổ đông sở hữu cổ phiếu SJ1 theo danh sách chốt ngày 10/12/2019 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam hoặc người được ủy quyền có quyền tham dự Đại hội.
2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải có mặt tại Đại hội đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội; ngồi đúng khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.
3. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các Cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội.
4. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội.
5. Không hút thuốc lá trong khán phòng Đại hội.
6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Điện thoại di động để ở chế độ rung, không chuông.

#### **ĐIỀU 2. ĐOÀN CHỦ TỊCH**

1. Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn và là người Chủ tọa ĐHĐCĐ. Đoàn chủ tịch điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà Hội đồng quản trị (HĐQT) đã dự kiến thông qua trước Đại hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 1280







2. Nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch:
  - a. Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua.
  - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình.
  - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
  - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
  - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tịch: Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

### **ĐIỀU 3. BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI**

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Đoàn chủ tịch giới thiệu, Đại hội biểu quyết tin nhiệm. Ban thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn chủ tịch.
2. Nhiệm vụ của Ban thư ký:
  - a. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội vào Biên bản họp.
  - b. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

### **ĐIỀU 4. BAN THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG**

1. Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 04 thành viên, do Đoàn chủ tịch giới thiệu, Đại hội biểu quyết tin nhiệm, chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban thẩm tra tư cách cổ đông:
  - a. Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
  - b. Trưởng ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tiến hành.

### **ĐIỀU 5. BAN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ**

1. Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 04 thành viên do Đoàn chủ tịch giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tin nhiệm, chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử:
  - a. Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội.
  - b. Nhanh chóng thông báo chính xác kết quả biểu quyết cho Ban thư ký.





- c. Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết/ bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết/ bầu cử.

## **ĐIỀU 7. THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI**

1. Nguyên tắc:
  - a. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ.
  - b. Ban thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch.
  - c. Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, Đoàn chủ tịch sẽ mời phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:
  - a. Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi hoặc câu hỏi trực tiếp của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông.
  - b. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

## **ĐIỀU 8. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI**

1. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
2. Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ). Mỗi cổ đông được cấp 01 thẻ biểu quyết (màu vàng) để biểu quyết cho các nội dung: Quy chế đại hội, Chương trình làm việc đại hội, Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Thẩm tra tư cách cổ đông, Ban Kiểm phiếu biểu quyết... Trên thẻ biểu quyết có ghi rõ mã số biểu quyết, họ tên, số cổ phần sở hữu của cổ đông đó.
3. Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ). Mỗi cổ đông được cấp 01 phiếu biểu quyết (màu trắng) trên đó có tất cả các nội dung trong báo cáo, tờ trình cần biểu quyết tại Đại hội. Trên phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số biểu quyết của cổ đông đó.
4. Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ). Mỗi cổ đông được cấp 01 phiếu bầu cử (màu xanh) để bầu cử thành viên Hội đồng quản trị. Trên phiếu bầu cử có ghi rõ mã số bầu cử của cổ đông đó.

399-C  
TỶ  
ÁN  
HIỆP  
TẤU  
HỒ CHÍ

*Chuan*





5. Các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội:
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
  - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
  - Việc tổ chức lại, giải thể Công ty.
6. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 7, các trường hợp còn lại sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội.

#### **ĐIỀU 10. BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT HỌP ĐHĐCĐ**

Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được Ban thư ký đọc và ĐHĐCĐ thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

#### **ĐIỀU 11. THI HÀNH QUY CHẾ**

Cổ đông, người được ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



TRẦN VĂN HẬU

*Handwritten signature*





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2019

## QUY CHẾ ĐỂ CỬ, BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Nhiệm kỳ 2020 – 2025)

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại khóa XIII, kỳ họp thứ 8 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế để cử, bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu như sau:

### I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

### II. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách để cử vào thành viên Hội đồng quản trị.
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

### III. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT : 07 người
2. Nhiệm kỳ : 2020 – 2025
3. Số lượng ứng viên HĐQT tối đa : Không hạn chế
4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (Theo khoản 1 Điều 151 của Luật Doanh nghiệp 2014):
  - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định pháp luật;

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 1280







- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
5. Tiêu chuẩn thành viên độc lập Hội đồng quản trị (Theo khoản 2 Điều 151 của Luật Doanh nghiệp 2014):
- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
  - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
  - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
  - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
  - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### IV. Nguyên tắc bầu cử bổ sung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử bổ sung vào Hội đồng quản trị.

#### V. Quy định đề cử thành viên Hội đồng quản trị (Theo Khoản 2 Điều 33 Điều lệ Công ty)

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (tính tới thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2020) có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên thành viên HĐQT.

Số lượng ứng viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;





- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử năm (05) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% được đề cử tám (08) ứng viên trở lên.

Trường hợp số lượng các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

## VI. Hồ sơ tham gia đề cử bổ sung để bầu vào HĐQT

### 1. Hồ sơ đề cử vào HĐQT

(Mẫu biểu được đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ: <http://agri.hunghau.vn>)

- Giấy đề nghị đề cử (ứng cử) bổ sung tham gia HĐQT (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch ứng viên (theo mẫu);
- Bản chứng thực các giấy tờ trong thời hạn 06 tháng các giấy tờ sau: CMND/ Hộ chiếu/ Thẻ căn cước/ Hộ khẩu thường trú (nếu có) hoặc Giấy Đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức);
- Bản chứng thực các giấy tờ trong thời hạn 06 tháng các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có);
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông/ nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này quy định;

Người đề cử bổ sung vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Các mẫu trên được đăng tải trên website <http://agri.hunghau.vn> (Mục: Quan Hệ Cổ Đông, từ ngày 18 tháng 12 năm 2019).

### 2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về trước 16h00 ngày 25/12/2019 theo địa chỉ sau:

#### Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Địa chỉ: 1004A Âu Cơ, P.Phú Trung, Q.Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.28) 3974 1135

Fax: (84.28) 3974 1280

Liên hệ: Ms. Cao Trinh Thị Thủy Vy – email: [Vycttt@hunghau.vn](mailto:Vycttt@hunghau.vn)

*Handwritten signature*

147,  
IG T  
PHÁI  
NGH  
3 HÃ  
P H





Nếu trong trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ đề cử về cho Thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

#### VII. Danh sách ứng cử viên

- Dựa vào Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu bổ sung vào HĐQT.
- Danh sách ứng cử viên HĐQT được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

#### VIII. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (*Theo Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty*).
- Các thành viên HĐQT được Đại hội đóng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Phiếu bầu sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

#### IX. Phiếu bầu cử

##### 1. Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã số bầu cử, số cổ phần sở hữu và/ hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty.
- Mỗi đại biểu sẽ được phát một (01) Phiếu bầu Hội đồng quản trị. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

##### 2. Cách ghi Phiếu bầu cử

Mỗi đại biểu được phát một (01) phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Danh sách ứng cử viên HĐQT được xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu. Phiếu bầu HĐQT có màu xanh.
- Mỗi cổ đông, người được ủy quyền được phát một (01) tờ phiếu bầu HĐQT với tổng số phiếu bầu HĐQT bằng số cổ phần sở hữu và/ hoặc số cổ phần được ủy quyền nhân với 7.
- Cổ đông, người được ủy quyền khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại số cổ phần, tổng số phiếu bầu ghi trên phiếu bầu nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu;
- Trên mỗi tờ phiếu bầu, cổ đông được lựa chọn tối đa bảy (07) ứng cử viên HĐQT.

3/25  
Y  
V  
TẬP  
IU  
5/25





- Cổ đông bầu HĐQT bằng cách điền số phiếu bầu tương ứng cho từng ứng cử viên HĐQT sao cho tổng số phiếu bầu HĐQT trên mỗi tờ phiếu bầu không lớn hơn số cổ phần sở hữu hoặc số cổ phần được ủy quyền nhân với 7.

### 3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

- Phiếu bầu hợp lệ: Phiếu bầu do Ban tổ chức phát hành, được in sẵn, có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu; Trên mỗi phiếu bầu có ghi số cổ phần sở hữu và tổng số phiếu bầu tương ứng của mỗi cổ đông, đại diện cổ đông.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
  - + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
  - + Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
  - + Gạch tên các ứng cử viên;
  - + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của Công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
  - + Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử;
  - + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
  - + Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
  - + Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

### 4. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông có thể liên hệ với Ban bầu cử để xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ. Việc đổi lại phiếu bầu cử mới do nhầm lẫn chỉ được chấp thuận trước khi Ban bầu cử công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử.
- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

### 5. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên (Theo Điều 20 Điều lệ Công ty)

- Ứng cử viên trúng cử vào HĐQT là bảy (07) ứng cử viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.





- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
- Trong trường hợp số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức biểu quyết (tàn thành, không tàn thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội.
- Trong trường hợp không lựa chọn được số thành viên HĐQT theo Điều lệ do có nhiều ứng cử viên có số phiếu bầu cao ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng các ứng cử viên có số phiếu ngang nhau để chọn người có số phiếu cao hơn.
- Nếu việc bầu lại vẫn chưa đạt được kết quả, ĐHĐCĐ có thể biểu quyết để khuyết thành viên HĐQT và bầu bổ sung trong kỳ họp ĐHĐCĐ tiếp theo.

#### X. Hiệu lực thi hành

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kết thúc.

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử, đề cử bổ sung thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị của Công ty nhiệm kỳ (2020 – 2025) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kinh trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

#### Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 12 năm 2019

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN VĂN HẬU





**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**  
---o0o---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----oOo-----

*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2019*

## **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2019 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2020**

### **I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2019**

#### **1. Các chỉ tiêu cơ bản**

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH năm 2018 và TH năm 2019		Kế hoạch năm 2019(01/10/2018-30/09/2019)	So sánh	
		Thực hiện (01/10/2017-30/09/2018)	Thực hiện (01/10/2018-30/09/2019)		% tăng trưởng TH 2019/ TH 2018	TH 2019/ KH 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	1.032.842	1.110.644	1.030.000	+8%	+8%
2. Giá vốn hàng bán	"	939.471	1.014.713		+8%	
3. Lợi nhuận gộp bán hàng & cung cấp dịch vụ	"	93.371	95.932		+3%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	"	12.336	5.903		(52%)	
5. Chi phí tài chính	"	39.447	39.155		(1%)	
6. Chi phí bán hàng	"	16.745	12.429		(26%)	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	"	19.832	19.191		(3%)	
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	"	29.683	31.059		+5%	
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	"	30.171	31.355	35.000	+4%	(10%)

- Tổng doanh thu trong năm 2019 đạt 1.110.644.062.847 đồng tăng 8% so với cùng kỳ năm 2018.
- Tổng lợi nhuận trước thuế trong năm 2019 đạt 31.355.806.931 đồng, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2018.

#### **2. Kết quả các mặt công tác**

##### **2.1. Công tác sản xuất**

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128

A member of HungHau





- Công ty liên tục duy trì và nâng cao hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HALA, HACCP... nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường về chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng.
- Chất lượng sản phẩm là tiêu chí hàng đầu mà Công ty đặc biệt quan tâm. Vì thế, các sản phẩm đều được kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng trước khi xuất xưởng; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát và nhắc nhở người lao động thực hiện đúng những quy định trong sản xuất. Tất cả công nhân viên trực tiếp sản xuất đều được kiểm tra, khám sức khỏe định kỳ hằng năm theo quy định ngành.
- Tình trạng thiếu hụt lao động của ngành hiện nay rất phổ biến, để khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động, Công ty đã tăng cường cải tiến quy trình sản xuất, đầu tư vào máy móc thiết bị duy trì và ổn định sản lượng sản xuất hàng giá trị gia tăng.
- Đầu tư lò chiên tự động công suất 250kg/h cho line hàng chiên hấp nhằm tăng sản lượng sản xuất và giải quyết vấn đề thiếu hụt công nhân.
- Tăng cường bổ sung line hàng GTGT tại Nhà máy Số 3 – CN Sa Đéc (HAF), khai thác đội ngũ lao động tại phương nhằm bổ trợ thiếu hụt công nhân, đáp ứng sản xuất các đơn hàng kịp thời cho Nhà máy Số 1 – KCN Tân Phú Trung.
- Sắp xếp, bố trí máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hợp lý và ca làm việc phù hợp để tăng năng suất lao động, khai thác tối đa công suất của máy móc thiết bị.
- Linh hoạt trong việc xây dựng và áp dụng đơn giá sản xuất phù hợp nhằm tạo động lực làm việc, phát huy năng lực làm việc của công nhân.
- Sản lượng sản xuất các mặt hàng GTGT chủ lực tại Nhà máy Số 3 – CN Sa Đéc (HAF) đạt 60 tấn/tháng với các dòng sản phẩm như: Chà giò, Chà viên, Viên khoai lang phô mai...
- Sản lượng sản xuất line Thủy sản tại Nhà máy Số 3 – CN Sa Đéc (HAF) đạt 800 tấn thành phẩm/ tháng tăng 100% so với cùng kỳ.
- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện các quy trình sản xuất để công nhân tuyển dụng mới hiểu biết, nắm bắt, nâng cao ý thức, kỷ luật về vệ sinh công nghiệp trong dây chuyền chế biến.
- Hoạt động sản xuất tại các Nhà máy ổn định, máy móc thiết bị được bảo trì bảo dưỡng tốt nên không có tình trạng hư hỏng khi đang sản xuất.
- Đáp ứng đầy đủ các báo cáo, hồ sơ, biểu mẫu, phiếu kiểm nghiệm theo quy định của các Cơ quan chức năng, cũng như theo yêu cầu của khách hàng, nhu cầu của thị trường (Xuất khẩu và Nội địa).

## 2.2. Công tác kinh doanh

- Đội ngũ Sales được phân bổ chỉ tiêu, chăm sóc khách hàng chu đáo, luôn đáp ứng nhanh nhu cầu khách hàng, cập nhật thông tin các giao dịch thường xuyên với khách hàng.





- Tiếp tục xây dựng, duy trì hệ thống quảng bá thương hiệu và tiếp cận thị trường thế giới thông qua các website.
- Xây dựng lại các chính sách bán hàng; định biên nhân sự, chế độ lương thưởng cho sales nhằm kích thích bán hàng.
- Thường xuyên khảo sát, tìm hiểu thị trường, tích cực khai thác thêm khách hàng và thị trường mới. Trong năm 2019 đã phát triển bán hàng được 09 khách hàng mới và 02 thị trường mới là Nga và Rumani.
- Thị trường nội địa, triển khai chào hàng một số sản phẩm mới, kết hợp khai thác một số sản phẩm thương mại vào các kênh nhà hàng, khách sạn, chuỗi thức ăn nhanh. Đồng thời, kết hợp đơn vị Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu mở rộng thị trường, phát triển mạng lưới hệ thống các siêu thị trên toàn quốc.
- Phát triển, đẩy mạnh thêm hàng nguyên liệu nhập khẩu, đối với tôm, nhằm tìm nguồn cung cấp với giá cạnh tranh tốt hơn trong nước.

### 2.3. Công tác mua hàng

- Tổng lượng hàng hóa mua vào phục vụ cho sản xuất kinh doanh đáp ứng khoảng 95% nhu cầu của sản xuất, 5% còn lại chưa đạt như kỳ vọng do một số nguyên liệu chính như cá lưỡi trâu, ghe, sò điệp... còn lệ thuộc vào nguồn đánh bắt, mùa vụ, không dự báo được số lượng theo tháng/ quý, gây bị động trong việc đáp ứng nhu cầu đúng hạn, ảnh hưởng giá thành và tính cạnh tranh trong giá bán. Thêm vào đó, hiện nay các đối thủ cạnh tranh có sự dịch chuyển từ mặt hàng thủy sản sang mặt hàng GTGT nên mức độ cạnh tranh về nguồn nguyên liệu đang tăng cao.
- Giá các mặt hàng nguyên liệu chính như tôm, bạch tuộc có xu hướng tăng do khan hiếm và thất mùa, giá thị trường hiện tại tăng nhẹ so với thời điểm đầu năm 2018 từ 3 – 5%. Công ty đã duy trì và đẩy mạnh việc nhập khẩu tôm nguyên liệu từ nước ngoài, tạo được nguồn cung với giá cạnh tranh hơn và giải quyết được phần nào tình hình khó khăn chung do sự thiếu hụt nguyên liệu từ thị trường trong nước.
- Đối với nguồn nguyên liệu thủy sản, Công ty đã liên kết 03 bên (Nhà cung cấp thức ăn thủy sản – Công ty – Hộ nuôi thủy sản) từ liên kết này đáp ứng cho Công ty có nguồn đầu vào ổn định.

### 2.4. Công tác Tài chính kế toán:

- Thực hiện quản lý vốn chặt chẽ, lập kế hoạch dòng tiền, chủ động sắp xếp các nguồn tài chính đáp ứng đầy đủ kịp thời việc thu chi đảm bảo cho các hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh.
- Kiểm soát tốt công nợ phải thu của khách hàng, không phát sinh nợ quá hạn, nợ khó đòi. Đảm bảo tối đa việc chi lương và các chế độ phụ cấp cho CB. CNV đúng hạn.

392C  
CÔN  
CỔ P  
NG N  
HUNG  
L.T.P





- Quản lý tốt hàng tồn kho, kiểm soát tốt chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn, hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Hoàn thành báo cáo tài chính tháng/ quý/ năm đúng hạn, thực hiện và tuân thủ các quy định, chế độ, chính sách của Nhà nước.
- Hoàn thành công tác kiểm tra sau thông quan từ 2015 đến tháng 07/2019.

## 2.5. Công tác nhân sự, lao động, tiền lương và chính sách chế độ:

- Tìm kiếm thêm nhà cung ứng lao động, cung cấp được lao động công khoán cho nhà máy.
- Theo Nghị định số 157/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 thì mức lương tối thiểu vùng I được Nhà nước điều chỉnh tăng từ 3.980.000 đ lên 4.180.000 đ (tăng 5%) có hiệu lực từ 01/01/2019, làm tăng chi phí đóng BHXH, BHYT, BHTN.
- Trước tình hình kinh tế khó khăn, lực lượng lao động chưa đáp ứng đủ, Công ty cũng đã cố gắng thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, thể hiện sự quan tâm cao nhất đến lợi ích của người lao động để CB - CNV yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Những chính sách chế độ công ty đã thực hiện như sau:
  - Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trợ cấp ốm đau, thai sản đầy đủ đúng quy định.
  - Đảm bảo giải quyết đầy đủ tiền lương và các khoản thu nhập khác (thưởng ngày lễ, tết...) theo quy định trong Thỏa ước LĐTT.
  - Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.
  - Tổ chức đi nghỉ mát tại Phan Thiết cho cán bộ, công nhân Nhà máy và các chương trình giao lưu văn nghệ mừng các dịp lễ lớn.
  - Tổ chức bữa ăn cho CB-CNV luôn đảm bảo "Đủ lượng, đủ chất và an toàn vệ sinh thực phẩm".
  - Thực hiện bổ sung chính sách thưởng hiệu quả kinh doanh và gia tăng hiệu suất theo kết quả đánh giá KPIs hằng tháng nhằm đảm bảo tăng thêm thu nhập cho người lao động.

## 2.6. Nhiệm vụ của Công ty đại chúng đã niêm yết

Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ công bố thông tin theo quy định đối với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như: Công bố thông tin định kỳ Báo cáo tài chính 2018 đã kiểm toán, Báo cáo tình hình quản trị 2018, Báo cáo thường niên 2018, Báo cáo tài chính Quý 1, quý 2, quý 3, quý 4/2019, công bố thông tin bất thường, v.v...

## II. KẾ HOẠCH NĂM TÀI CHÍNH 2020

### 1. Chi tiêu Kế hoạch, Kinh doanh:





Chi tiêu	ĐVT	NĂM 2020
Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.100.000
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	33.000

- Đẩy mạnh phát triển thêm các sản phẩm thuộc thương hiệu Happy Food ra thị trường tiêu thụ nội địa, tăng cường quảng bá sản phẩm trên các phương tiện truyền thông đại chúng.
- Mở rộng hoạt động kinh doanh các sản phẩm thương mại cho hệ thống khách hàng hiện hữu.
- Tăng cường tham gia các hội chợ liên quan đến các mặt hàng nông thủy sản đông lạnh, hàng GTGT tại EU, Nhật Bản, Hàn Quốc vào thời gian tới. Khảo sát và tiếp cận nhanh chóng thêm thị trường mục tiêu tiếp theo, trong đó ưu tiên thị trường Mỹ, Anh.
- Tập trung khai thác thị trường hiện có, đặc biệt chú trọng thị trường ngách có chất lượng cao, giá mua cao.
- Tăng cường liên kết các khách hàng có hệ thống phân phối lớn, tiếp tục đưa thương hiệu HungHau ra nước ngoài bằng cách thể hiện logo HungHau trên các bao bì xuất khẩu.
- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại, kết hợp với các khách hàng nước ngoài sẵn có thiết lập mối quan hệ mua bán song phương, nhập khẩu các sản phẩm hoàn toàn từ thiên nhiên, an toàn cho sức khỏe, đạt chất lượng cao và phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng Việt Nam sẽ là hướng phát triển có tiềm năng cho Công ty trong thời gian tới.
- Chủ động dự trữ một số mặt hàng có giá cả tốt dựa vào nhu cầu dự báo của khách hàng.
- Tăng cường tìm kiếm và nhập khẩu các nguyên liệu chính như mực, bạch tuộc... phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng của thị trường EU, thị trường Nhật, giảm thiểu tối đa áp lực về giá cả do tình hình nguyên liệu trong nước.

## 2. Công tác sản xuất

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu cải tiến về dây chuyền công nghệ, máy móc thiết bị thay thế con người và các thiết bị lỗi thời tại Nhà máy số 1. (Em để xuất chính là nhà máy, không để tên viết tắt nội bộ ạ)
- Duy trì sản lượng sản xuất tại Nhà máy số 3, đối với hàng thủy sản đạt 800 tấn thành phẩm/tháng và hàng GTGT đạt 60 tấn/tháng.
- Nghiên cứu cải tiến các sản phẩm đạt chất lượng cao và giá cả hợp lý, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
- Kiểm soát tốt từ nguồn nguyên liệu cung ứng đầu vào đến sản phẩm đầu ra đạt tiêu chuẩn kháng sinh, vi sinh.

## 3. Hành chính Nhân sự:





- Tăng cường tuyển dụng đội ngũ sales chuyên nghiệp có kinh nghiệm trong ngành.
- Tăng cường hoạt động tuyển dụng nhân sự như: liên kết với các công ty giới thiệu việc làm tại các vùng/ địa phương lân cận hỗ trợ tuyển dụng lao động, kết hợp quảng bá thông tin tuyển dụng và chính sách đãi ngộ của công ty đến người lao động địa phương.
- Tiếp tục cập nhật, điều chỉnh mức đóng bảo hiểm theo quy định Pháp luật hiện hành.
- Hoàn thiện và xây dựng thêm những chính sách liên quan đến lương sản phẩm cho khối CNSX để thu hút và nâng cao năng suất làm việc của người lao động.
- Liên kết với các tổ chức giáo dục trực thuộc HungHau Holdings tổ chức các khóa đào tạo vừa học vừa làm, tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội nâng cao kiến thức, thay đổi môi trường làm việc, có thu nhập tốt hơn.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đãi ngộ như hỗ trợ tiền thuê nhà trọ cho NLD yên tâm sản xuất & gắn bó lâu dài. Các phúc lợi, đãi ngộ khác, nhằm thu hút và giữ chân người lao động.
- Hoàn thiện đội ngũ nhân sự và hệ thống thang bảng lương Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TU THANH PHỤNG**







**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019  
đã được kiểm toán

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT  
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

Địa chỉ ĐKKD: 29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881  
Địa chỉ giao dịch: 26 Nguyễn Huy Tự, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881/ 3820 6881 - Fax: 028. 3820 6881



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 – 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	09 – 33



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019.

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần 22 ngày 13 tháng 9 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- .....

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Văn Hậu	Chủ tịch	
Ông Từ Thanh Phụng	Phó Chủ tịch	Đến ngày 14/01/2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Chủ tịch	Từ ngày 14/01/2019
Ông Từ Thanh Phụng	Thành viên	Từ ngày 14/01/2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	Đến ngày 14/01/2019
Ông Trần Thanh Hương	Thành viên	
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	
Ông Võ Minh Khang	Thành viên	
Bà Đinh Thị Bích Hà	Thành viên	
Ông Ngô Đức Dũng	Thành viên	

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Thanh Hương	Tổng Giám đốc	Đến ngày 05/09/2019
Ông Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc	Từ ngày 05/09/2019
Ông Tống Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Huỳnh Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Nhân Thiên Phúc	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 07/01/2019
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 28/10/2019



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban kiểm soát

Bà Đinh Thị Bảo Yến	Trưởng ban	Từ ngày 19/02/2019
Ông Huỳnh Minh Tâm	Thành viên	Đến ngày 19/01/2019
Bà Đinh Thị Bảo Yến	Thành viên	Đến ngày 19/02/2019
Bà Dư Thiện Minh Trang	Thành viên	Từ ngày 19/02/2019
Ông Phạm Nguyễn Linh	Thành viên	Từ ngày 19/02/2019

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 12 năm 2019

Thay mặt Hội đồng Quản trị  
Chủ tịch

Trần Văn Hậu



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Từ Thanh Phụng



Số: 03-2/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, được lập ngày 6 tháng 12 năm 2019, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

**Phó Giám đốc**



**Nguyễn Anh Tuấn**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1559-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 12 năm 2019

**Kiểm toán viên**



**Nguyễn Văn Tinh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3919-2017-152-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>601.238.975.171</b>	<b>580.254.326.942</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110		<b>5.276.746.665</b>	<b>5.626.647.685</b>
1. Tiền	111	V.1	5.276.746.665	5.626.647.685
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		<b>22.425.918.329</b>	<b>20.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	22.425.918.329	20.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>357.235.965.427</b>	<b>349.452.368.569</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	339.336.184.167	340.312.529.107
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	15.487.234.910	7.383.888.235
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.412.546.350	1.755.951.227
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	V.6	<b>208.384.965.347</b>	<b>187.325.573.149</b>
1. Hàng tồn kho	141		208.384.965.347	187.325.573.149
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>7.915.379.403</b>	<b>17.849.737.539</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.280.884.582	1.494.908.533
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.634.494.821	16.354.829.006
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>360.897.023.996</b>	<b>390.707.816.027</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		<b>7.001.402.204</b>	<b>7.190.864.607</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	7.001.402.204	7.190.864.607
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>253.364.371.858</b>	<b>302.718.347.336</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	128.341.852.210	158.722.480.785
- Nguyên giá	222		200.679.416.698	222.195.773.090
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.337.564.488)	(63.473.292.305)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	28.465.786.798	35.462.465.332
- Nguyên giá	225		38.186.047.767	47.241.844.411
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.720.260.969)	(11.779.379.079)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	96.556.732.850	108.533.401.219
- Nguyên giá	228		102.281.820.014	113.027.012.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.725.087.164)	(4.493.611.031)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	240		<b>19.823.120.850</b>	<b>14.311.043.278</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	19.823.120.850	14.311.043.278
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	250		<b>51.120.500.000</b>	<b>35.360.500.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	19.545.000.000	19.545.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	31.325.500.000	15.815.500.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	250.000.000	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>29.587.629.084</b>	<b>31.127.060.806</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	29.587.629.084	31.127.060.806
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270		<b>962.135.999.167</b>	<b>970.962.142.969</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>675.296.139.983</b>	<b>695.785.361.466</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>554.605.392.384</b>	<b>548.374.398.576</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	120.692.329.272	146.830.922.210
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.912.558.991	2.741.397.098
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.366.661.272	11.813.992.996
4. Phải trả người lao động	314		7.513.115.797	6.713.135.249
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		99.234.019	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	1.372.800.000	5.808.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	3.495.502.660	5.405.197.000
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	413.108.400.551	368.993.185.950
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		44.789.822	68.567.827
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>120.690.747.599</b>	<b>147.410.962.890</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	19.030.307.500	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	11.854.775.000	35.219.775.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	89.805.665.099	112.191.187.890
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>286.839.859.184</b>	<b>275.176.781.503</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>286.839.859.184</b>	<b>275.176.781.503</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		211.012.440.000	199.070.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		211.012.440.000	199.070.530.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46.428.827.960	46.428.827.960
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.100.000)	(10.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.508.887.768	4.019.289.456
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.899.803.456	25.668.234.087
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		69.104.196	1.365.128.151
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.830.699.260	24.303.105.936
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>962.135.999.167</b>	<b>970.962.142.969</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Vân  
Ngày 6 tháng 12 năm 2019

Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích Như



Từ Thanh Phụng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.127.416.895.900	1.024.290.941.182
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	334.283.599	374.542.294
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.127.082.612.301	1.023.916.398.888
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.035.528.634.745	935.645.593.413
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		91.553.977.556	88.270.805.475
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	5.902.418.571	12.336.063.769
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	39.154.985.506	39.447.152.745
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		37.891.153.113	37.081.229.757
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	12.429.255.610	16.745.023.104
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	15.235.894.256	14.862.772.046
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.636.260.755	29.551.921.349
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.046.032.686	532.423.549
12. Chi phí khác	32	VI.9	727.654.714	103.730.929
13. Lợi nhuận khác	40		318.377.972	428.692.620
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.954.638.727	29.980.613.969
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	6.123.939.467	5.677.508.033
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.830.699.260	24.303.105.936

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Vân

Ngày 6 tháng 12 năm 2019

Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích Như



Từ Thanh Phụng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	30.954.638.727	29.980.613.969
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	16.970.594.579	18.980.229.333
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(7.727.905)	656.076.656
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.209.713.905)	(11.691.108.825)
- Chi phí lãi vay	06	37.891.153.113	37.081.229.757
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	80.598.944.609	75.007.040.890
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	20.757.548.938	(115.483.557.860)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(21.059.392.198)	18.678.056.966
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(29.794.693.616)	29.014.251.149
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.753.455.673	3.390.512.531
- Tiền lãi vay đã trả	14	(37.891.153.113)	(37.081.229.757)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.110.959.329)	(747.136.750)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.247.773.594)	(1.745.722.667)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.005.977.370	(28.967.785.498)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(14.514.114.824)	(11.443.946.784)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	26.812.226.406	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.675.918.329)	(27.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	21.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.510.000.000)	(39.590.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	52.100.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	1.355.706.114	873.692.157
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.532.100.633)	(4.060.254.627)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	982.763.699.694	832.474.633.106
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(953.735.639.828)	(780.514.506.510)
3. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(9.905.428.193)	(8.885.783.697)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.948.147.800)	(13.128.442.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	7.174.483.873	29.945.900.699
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(351.639.390)	(3.082.139.426)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.626.647.685	8.659.596.950
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.738.370	49.190.161
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.276.746.665	5.626.647.685

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Vân

Ngày 6 tháng 12 năm 2019

Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích Như



Từ Thanh Phụng



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần 22 ngày 13 tháng 9 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- .....

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con:

Tên Công ty	Tỷ lệ	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu	65%	Lô C, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản ....

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/10 năm trước và kết thúc vào ngày 30/09 của năm nay.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### 3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	04 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 06 năm
- Quyền sử dụng đất	32 – 44 năm
- Chương trình phần mềm	05 – 08 năm

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc và thiết bị	07 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm

**7. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**b) Đầu tư vào công ty con; Công ty liên doanh, liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**9. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận nợ phải trả và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**17. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**18. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

**Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	292.990.824	387.669.439
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.983.755.841	5.238.978.246
<b>Cộng</b>	<b>5.276.746.665</b>	<b>5.626.647.685</b>



BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Đơn vị tính: VND	
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		22.425.918.329	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn bảo lãnh các khoản vay		14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		8.425.918.329	6.000.000.000	6.000.000.000
b) Đầu tư tài chính dài hạn		51.120.500.000	35.360.500.000	19.567.625.309
- Đầu tư vào Công ty con		19.545.000.000	19.545.000.000	19.567.625.309
+ Công ty TNHH Nưng Nghiệp Hùng Hậu	65%	19.545.000.000	19.545.000.000	19.567.625.309
- Đầu tư vào đơn vị khác		31.325.500.000	15.815.500.000	207.376.000
+ Công ty CP Thủy sản Năm Căn (15.952 CP)		159.520.000	159.520.000	207.376.000
+ Công ty CP Bao bì Thủy sản (6.598 CP)		65.980.000	65.980.000	(*)
+ Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu		-	5.000.000.000	(*)
+ Công ty TNHH Thực Phẩm Hùng Hậu	17%	30.600.000.000	10.090.000.000	(*)
+ Quỹ trái tim Hùng Hậu		500.000.000	500.000.000	-
c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn		250.000.000	-	-
+ Trái phiếu (250 trái phiếu củaAGR kỳ hạn đến 24/9/2026)		250.000.000	-	-
<b>Cộng</b>		<b>73.546.418.329</b>	<b>55.360.500.000</b>	

(\*) Tại ngày đầu năm và ngày cuối năm, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán này do các công ty này chưa niêm yết nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính.





BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	339.336.184.167	340.312.529.107
Phải thu khách hàng trong nước	302.094.242.597	320.983.919.891
Phải thu khách hàng nước ngoài	37.241.941.570	19.328.609.216
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VII.1		

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Xây Dựng Hùng Hậu	1.164.740.945	1.164.740.945
Công ty CP Xây dựng Phát Triển Miền Tây	12.608.900.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh Sao Vàng	-	200.000.000
Các đối tượng khác	1.713.593.965	1.019.147.290
<b>Cộng</b>	<b>15.487.234.910</b>	<b>7.383.888.235</b>

5. Phải thu khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	2.412.546.350	1.755.951.227
Lãi tiền gửi dự thu	645.328.561	694.408.333
Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên	161.883.890	409.766.894
Phải thu khác	1.605.333.899	651.776.000
b) Dài hạn	7.001.402.204	7.190.864.607
Kỳ quỹ thuê tài chính - Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	5.637.758.800	5.185.533.800
Thuế GTGT tài sản thuê tài chính	1.334.658.404	1.976.345.807
Phải thu khác	28.985.000	28.985.000
<b>Cộng</b>	<b>9.413.948.554</b>	<b>8.946.815.834</b>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND			
Nguyên liệu, vật liệu	3.464.963.864	-	2.057.709.609	-
Công cụ, dụng cụ	2.354.130.426	-	2.599.178.239	-
Thành phẩm	202.565.871.057	-	182.668.685.301	-
<b>Cộng</b>	<b>208.384.965.347</b>	<b>-</b>	<b>187.325.573.149</b>	<b>-</b>

7. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>1.280.884.582</b>	<b>1.494.908.533</b>
Chi phí Bảo hiểm chờ kết chuyển	215.725.855	282.778.662
Tiền thuê đất	818.592.672	722.366.645
Công cụ dụng cụ xuất dùng	14.590.910	35.750.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	231.975.145	454.013.226
b) <b>Dài hạn</b>	<b>29.587.629.084</b>	<b>31.127.060.806</b>
Tiền thuê đất (*)	28.996.618.059	30.339.728.742
Chi phí sửa chữa	591.011.025	782.529.032
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	4.803.032
<b>Cộng</b>	<b>30.868.513.666</b>	<b>32.621.969.339</b>

(\*) Trong đó: Tiền thuê đất trả trước một lần tại số 624 và 642 Âu Cơ, P.10, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với thời gian thuê từ 32 - 42 năm đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với giá trị còn phân bổ là 28.871.038.491 VND; Tiền thuê đất tại Lai Vung Đồng Tháp với giá trị còn phân bổ là 125.579.568 VND.



**BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Thiết bị	Đơn vị tính: VND	
						Cộng	Trừ
Số dư đầu năm	138.003.848,611	74.819.515,804	7.192.708,803	-	2.179.699,872	-	222.195.773,090
Số tăng trong năm	16.748.689,947	4.767.666,445	-	-	-	-	21.516.356,392
Số giảm trong năm	16.748.689,947	4.767.666,445	-	-	-	-	21.516.356,392
- Thanh lý, nhượng bán							
Số dư cuối năm	121.255.158,664	70.051.849,359	7.192.708,803	-	2.179.699,872	-	200.679.416,698
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu năm	22.588.171,748	34.144.986,837	4.864.242,747	-	1.875.890,973	-	63.473.292,305
Khấu hao tăng trong năm	4.512.804,252	6.637.478,701	447.117,805	-	93.714,288	-	11.691.115,046
Thanh lý, nhượng bán	1.651.777,510	1.175.065,353	-	-	-	-	2.826.842,863
Số dư cuối năm	25.449.198,490	39.607.400,185	5.311.360,552	-	1.969.605,261	-	72.337.564,488
<b>Giá trị còn lại</b>							
Tại ngày đầu năm	115.415.676,863	40.674.528,967	2.328.466,056	-	303.808,899	-	158.722.480,785
Tại ngày cuối năm	95.805.960,174	30.444.449,174	1.881.348,251	-	210.094,611	-	128.341.852,210
					<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCD hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay  
Nguyên giá TSCD hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

100.367.292,721  
12.892.136,872  
139.797.677,102  
10.311.551,473



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Đơn vị tính: VND		
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	42.569.516.469	4.672.327.942	47.241.844.411
Thuê tài chính trong năm	2.352.341.356	-	2.352.341.356
Thanh lý, nhượng bán	11.408.138.000	-	11.408.138.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>33.513.719.825</b>	<b>4.672.327.942</b>	<b>38.186.047.767</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	10.080.793.217	1.698.585.862	11.779.379.079
Khấu hao tăng trong năm	3.463.962.416	584.040.984	4.048.003.400
Thanh lý, nhượng bán	6.107.121.510	-	6.107.121.510
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.437.634.123</b>	<b>2.282.626.846</b>	<b>9.720.260.969</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	32.488.723.252	2.973.742.080	35.462.465.332
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>26.076.085.702</b>	<b>2.389.701.096</b>	<b>28.465.786.798</b>

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	112.743.912.250	283.100.000	113.027.012.250
Mua trong năm	1.483.137.252	110.000.000	1.593.137.252
Thanh lý, nhượng bán	12.338.329.488	-	12.338.329.488
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>101.888.720.014</b>	<b>393.100.000</b>	<b>102.281.820.014</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.304.753.306	188.857.725	4.493.611.031
Khấu hao tăng trong năm	1.193.094.686	38.381.447	1.231.476.133
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.497.847.992</b>	<b>227.239.172</b>	<b>5.725.087.164</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	108.439.158.944	94.242.275	108.533.401.219
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>96.390.872.022</b>	<b>165.860.828</b>	<b>96.556.732.850</b>

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay	94.521.915.122	106.570.202.044



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza	1.878.034.091	1.878.034.091
Dự án nhà máy Thủy Sản Sa Đéc Đồng Tháp	2.531.860.514	2.097.996.878
Dự án Công trình HHA OFFICE	14.297.088.395	8.079.631.490
Dự án Công trình nhà máy Nha Môn	-	1.848.750.001
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	1.116.137.850	406.630.818
<b>Cộng</b>	<b>19.823.120.850</b>	<b>14.311.043.278</b>

**12. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Đơn vị tính: VND			
a) Phải trả người bán ngắn hạn	120.692.329.272	120.692.329.272	146.830.922.210	146.830.922.210
Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu	28.501.423.878	28.501.423.878	19.472.325.493	19.472.325.493
Công ty TNHH MTV Thủy Sản Hiếu Lê CM	8.565.964.200	8.565.964.200	-	-
Công ty TNHH Hùng Cá	1.032.025.000	1.032.025.000	19.030.316.000	19.030.316.000
Các đối tượng khác	83.903.939.747	83.903.939.747	108.604.704.412	108.604.704.412
b) Phải trả người bán dài hạn	19.030.307.500	19.030.307.500	-	-
Công ty TNHH Hùng Cá (*)	19.030.307.500	19.030.307.500	-	-

(\*) Là khoản phải trả theo hợp đồng số 273/SCD/2016 và 217/SCD/2018 và phụ lục hợp đồng ngày 30 tháng 9 năm 2019. Thời hạn trả nợ đến ngày 30/09/2021.

**c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VII.1

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp / được hoàn	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	691.400.000	691.400.000	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.857.876	4.857.876	-
Thuế nhập khẩu	-	5.204.867	5.204.867	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.684.007.714	6.123.939.467	11.110.959.329	4.696.987.852
Thuế thu nhập cá nhân	334.141.518	1.230.306.645	874.325.893	690.122.270
Tiền thuê đất	1.795.843.764	2.467.686.599	3.283.979.213	979.551.150
Các loại thuế khác	-	154.596.403	154.596.403	-
<b>Cộng</b>	<b>11.813.992.996</b>	<b>10.677.991.857</b>	<b>16.125.323.581</b>	<b>6.366.661.272</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhận trước tiền cho thuê mặt bằng	1.372.800.000	5.808.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.372.800.000</b>	<b>5.808.000.000</b>

**15. Phải trả khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.495.502.660</b>	<b>5.405.197.436</b>
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	1.243.328.318	2.160.419.320
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	114.336.900	118.858.900
Phải trả khác	2.137.837.442	3.125.919.216
<b>b) Dài hạn</b>	<b>11.854.775.000</b>	<b>35.219.775.000</b>
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu – Nhận góp vốn Hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SJ1 Plaza	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu (*)	7.854.775.000	7.954.775.000
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	-	18.900.000.000
Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu	-	4.365.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.350.277.660</b>	<b>40.624.972.436</b>

(\*) Công ty mượn của Công ty Cổ phần Thủy sản Hùng Hậu theo hợp đồng vay mượn số 01-MT-2016 ngày 24/08/2016 và phụ lục hợp đồng số 01-MT-PL ngày 31/12/2017, thời hạn trả tiền trước ngày 31/12/2020.

- c) **Phải trả khác là các bên liên quan**  
Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VII.1



BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		

a) Ngân hạn	413.108.400.551	413.108.400.551	999.320.737.184	955.205.522.583	368.993.185.950	368.993.185.950		
- Vay ngắn hạn (*)	390.328.357.729	390.328.357.729	976.540.694.366	925.834.749.763	339.622.413.126	339.622.413.126		
+ Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) (UOB)	22.968.976.933	22.968.976.933	74.291.604.844	51.322.627.911	-	-		
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	141.385.476.750	141.385.476.750	294.865.963.350	257.926.060.600	104.445.574.000	104.445.574.000		
+ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	23.357.224.683	23.357.224.683	99.339.933.747	112.646.152.354	36.663.443.290	36.663.443.290		
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	42.218.370.500	42.218.370.500	140.290.220.600	136.298.962.100	38.227.112.000	38.227.112.000		
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	149.898.308.863	149.898.308.863	346.752.971.825	346.790.946.798	149.936.283.836	149.936.283.836		
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	10.500.000.000	10.500.000.000	21.000.000.000	20.850.000.000	10.350.000.000	10.350.000.000		
- Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	22.780.042.822	22.780.042.822	22.780.042.818	29.370.772.820	29.370.772.824	29.370.772.824		
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	5.028.800.000	5.028.800.000	5.028.799.996	5.028.800.000	5.028.800.004	5.028.800.004		
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	10.840.116.000	10.840.116.000	10.840.116.000	10.130.844.000	10.130.844.000	10.130.844.000		
+ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	-	-	-	4.772.724.000	4.772.724.000	4.772.724.000		
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	6.911.126.822	6.911.126.822	6.911.126.822	9.438.404.820	9.438.404.820	9.438.404.820		







**BÀN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(\*\*) Chi tiết các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn:

+ Chi tiết các khoản vay dài hạn:

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm			Phương thức đảm bảo
			Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	LD1511700300 LD1623700103 LD1623700088	120 tháng 120 tháng 60 tháng	3.200.040.000 1.740.000.000 4.530.000.000	14.666.450.000 1.740.000.000 27.180.000.000	17.866.490.000 3.480.000.000 31.710.000.000	Thế chấp Thế chấp Thế chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	LD1728500607 LAV201500825 LAV201600721	120 tháng 60 tháng 120 tháng	1.370.076.000 328.800.000 4.700.000.000	9.899.980.000 82.200.000 28.200.000.000	11.270.056.000 411.000.000 32.900.000.000	Thế chấp Thế chấp Thế chấp
<b>Cộng</b>			<b>15.868.916.000</b>	<b>81.768.630.000</b>	<b>97.637.546.000</b>	

+ Thuế tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam để mua máy móc, thiết bị, xe ô tô. Chi tiết các khoản thuế như sau:

Số hợp đồng thuê	Thời hạn thuê	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm		
		Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
2015-00063-001	60 tháng	350.385.849	-	350.385.849
2015-00136-001	60 tháng	1.361.992.931	-	1.361.992.931
2015-00178-001	48 tháng	190.632.198	-	190.632.198
2015-00191-001	60 tháng	1.056.728.962	616.425.236	1.673.154.198
2017-00028-001	60 tháng	3.134.324.928	5.746.262.350	8.880.587.278
2017-00108-001	36 tháng	372.362.472	-	372.362.472
2019-00016-001	48 tháng	251.190.418	770.089.326	1.021.279.744
2019-00057-001	48 tháng	193.509.064	904.258.187	1.097.767.251
<b>Cộng</b>		<b>6.911.126.822</b>	<b>8.037.035.099</b>	<b>14.948.161.921</b>

**BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**17. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>187.805.970.000</b>	<b>52.061.107.960</b>	<b>(10.100.000)</b>	<b>1.935.474.500</b>	<b>23.893.985.972</b>	<b>265.686.438.432</b>
Tăng vốn trong năm trước	11.264.560.000	(5.632.280.000)			(5.632.280.000)	
Lãi trong năm trước					24.303.105.936	24.303.105.936
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi				2.083.814.956	(1.041.907.478)	(1.041.907.478)
Trích quỹ đầu tư phát triển					(2.083.814.956)	
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2017					(13.145.710.900)	(13.145.710.900)
Giảm khác					(625.144.487)	(625.144.487)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>199.070.530.000</b>	<b>46.428.827.960</b>	<b>(10.100.000)</b>	<b>4.019.289.456</b>	<b>25.668.234.087</b>	<b>275.176.781.503</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>199.070.530.000</b>	<b>46.428.827.960</b>	<b>(10.100.000)</b>	<b>4.019.289.456</b>	<b>25.668.234.087</b>	<b>275.176.781.503</b>
Tăng vốn trong năm nay	11.941.910.000				(11.941.910.000)	
Lãi trong năm nay					24.830.699.260	24.830.699.260
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi				489.598.312	(489.598.312)	(489.598.312)
Trích quỹ đầu tư phát triển					(489.598.312)	
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2018					(11.943.625.800)	(11.943.625.800)
Giảm khác					(734.397.467)	(734.397.467)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>211.012.440.000</b>	<b>46.428.827.960</b>	<b>(10.100.000)</b>	<b>4.508.887.768</b>	<b>24.899.803.456</b>	<b>286.839.859.184</b>

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của các cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
	211.012.440.000	100,00	199.070.530.000	100,00
<b>Cộng</b>	<b>211.012.440.000</b>	<b>100,00</b>	<b>199.070.530.000</b>	<b>100,00</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	199.070.530.000	187.805.970.000
Vốn góp tăng trong năm	11.941.910.000	11.264.560.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	211.012.440.000	199.070.530.000
Cổ tức đã chia	23.885.535.800	18.777.990.900

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	21.101.244	19.907.053
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	21.101.244	19.907.053
- Cổ phiếu phổ thông	21.101.244	19.907.053
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu mua lại</b>	1.010	1.010
- Cổ phiếu phổ thông	1.010	1.010
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	21.100.234	19.906.043
- Cổ phiếu phổ thông	21.100.234	19.906.043
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
+ USD	203.495,69	204.183,50
+ EUR	205,79	216,71

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.127.416.895.900	1.024.290.941.182
<b>Cộng</b>	<b>1.127.416.895.900</b>	<b>1.024.290.941.182</b>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan**

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VII.1

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3.424.200	55.453.686
Hàng bán bị trả lại	215.884.399	-
Giảm giá hàng bán	114.975.000	319.088.608
<b>Cộng</b>	<b>334.283.599</b>	<b>374.542.294</b>

**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.127.082.612.301	1.023.916.398.888
<b>Cộng</b>	<b>1.127.082.612.301</b>	<b>1.023.916.398.888</b>

**4. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.035.528.634.745	935.645.593.413
<b>Cộng</b>	<b>1.035.528.634.745</b>	<b>935.645.593.413</b>

**5. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.306.626.342	1.152.846.025
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	3.000.000.000	10.500.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.595.792.229	644.954.944
Cổ tức được chia	-	38.262.800
<b>Cộng</b>	<b>5.902.418.571</b>	<b>12.336.063.769</b>

**6. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	37.891.153.113	37.081.229.757
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.263.832.393	2.365.922.988
<b>Cộng</b>	<b>39.154.985.506</b>	<b>39.447.152.745</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a) Chi phí bán hàng</b>	<b>12.429.255.610</b>	<b>16.745.023.104</b>
Chi phí nhân viên	5.899.223.293	5.091.807.189
Chi phí hoa hồng	329.210.319	526.011.236
Chi phí vận chuyển và bảo hiểm hàng hóa	3.446.920.284	8.811.176.737
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.753.901.714	2.316.027.942
<b>b) Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>15.235.894.256</b>	<b>14.862.772.046</b>
Chi phí nhân viên quản lý	8.826.349.184	8.178.125.559
Chi phí khấu hao	312.291.239	254.846.528
Các khoản chi phí quản lý khác	6.097.253.833	6.429.799.959

**8. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	903.087.563	-
Thu nhập khác	142.945.123	532.423.549
<b>Cộng</b>	<b>1.046.032.686</b>	<b>532.423.549</b>

**9. Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp, truy thu thuế	713.710.038	6.225.244
Chi phí khác	13.944.676	97.505.685
<b>Cộng</b>	<b>727.654.714</b>	<b>103.730.929</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thu nhập từ hoạt động chế biến trong thủy sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính. Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.954.638.727	29.980.613.969
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.289.078.878	809.203.658
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.289.078.878	847.466.458
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	38.262.800
Tổng lợi nhuận tính thuế	32.243.717.605	30.789.817.627
Trong đó:		
+ Lợi nhuận tính thuế 15%	6.496.081.081	9.609.109.856
+ Lợi nhuận tính thuế 20%	25.747.636.524	21.180.707.771
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6.123.939.467</b>	<b>5.677.508.033</b>

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	888.982.289.498	797.721.953.076
Chi phí nhân công	65.339.353.962	67.407.771.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.970.594.579	18.980.229.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.314.428.381	42.238.008.530
Chi phí khác bằng tiền	10.938.035.767	9.709.868.546
<b>Cộng</b>	<b>1.049.544.702.187</b>	<b>936.057.830.485</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.949.181.293	2.025.000.333

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND
Công ty TNHH Ngr Nghiệp Hùng Hậu	Công ty con	Chi phí gia công	53.901.213.328
		Chi hộ tiền điện	1.926.313.860
		Chi phí lưu kho	250.811.999
		Doanh thu dịch vụ	16.438.549.454
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan	Chi hộ tiền điện	73.267.864
		Doanh thu dịch vụ	770.179.513



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho đến ngày 30/09/2019, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu, (phải trả) VND
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan	Phải trả người bán	(27.753.095)
		Phải thu khách hàng	542.215.357
Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu	Công ty con	Phải trả người bán	(28.501.423.878)
		Phải thu khách hàng	5.126.810.800
		Phải trả khác	(4.000.000.000)

**2. Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Xuất khẩu	277.277.868.067	351.287.547.124
Trong nước	849.804.744.234	672.628.851.764
<b>Cộng</b>	<b>1.127.082.612.301</b>	<b>1.023.916.398.888</b>

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất chế biến thủy sản nên không trình bày báo cáo bộ phận.

**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**4. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**5. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Đơn vị tính : VND		
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Tổng cộng
<b>Số cuối năm</b>	<b>536.152.138.184</b>	<b>120.690.747.599</b>	<b>656.842.885.783</b>
Vay và nợ thuê tài chính	413.108.400.551	89.805.665.099	502.914.065.650
Phải trả cho người bán	120.692.329.272	19.030.307.500	139.722.636.772
Chi phí phải trả	99.234.019	-	99.234.019
Các khoản phải trả khác	2.252.174.342	11.854.775.000	14.106.949.342
<b>Số đầu năm</b>	<b>519.068.886.240</b>	<b>147.410.962.926</b>	<b>666.479.849.166</b>
Vay và nợ thuê tài chính	368.993.185.914	112.191.187.926	481.184.373.840
Phải trả cho người bán	146.830.922.210	-	146.830.922.210
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	3.244.778.116	35.219.775.000	38.464.553.116

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không có. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**6. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**7. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 đã được kiểm toán.

**8. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Vân

Ngày 6 tháng 12 năm 2019

Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích Như



Tổng Giám đốc

Từ Thanh Phụng





**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

**Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019  
đã được kiểm toán**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT  
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

**Địa chỉ ĐKKD: 29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881  
Địa chỉ giao dịch: 26 Nguyễn Huy Tự, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881/ 3820 6881 - Fax: 028. 3820 6881**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 – 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	09 – 34



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019.

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 13 tháng 9 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- .....

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Văn Hậu	Chủ tịch	Đến ngày 14/01/2019
Ông Từ Thanh Phụng	Phó Chủ tịch	Từ ngày 14/01/2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Chủ tịch	Từ ngày 14/01/2019
Ông Từ Thanh Phụng	Thành viên	Đến ngày 14/01/2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	
Ông Trần Thanh Hương	Thành viên	
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	
Ông Võ Minh Khang	Thành viên	
Bà Đinh Thị Bích Hà	Thành viên	
Ông Ngô Đức Dũng	Thành viên	

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Thanh Hương	Tổng Giám đốc	Đến ngày 05/09/2019
Ông Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc	Từ ngày 05/09/2019
Ông Tống Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Huỳnh Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Nhân Thiên Phúc	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 07/01/2019
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 28/10/2019

30204  
CÔNG  
CỔ PH  
ÔNG NG  
HÙNG H  
H. T. P

138  
CÔNG  
SINH  
VỤ T  
TINH  
CHẾ M  
AM V  
P. H



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban kiểm soát

Bà Đinh Thị Bảo Yến	Trưởng ban	Từ ngày 19/02/2019
Ông Huỳnh Minh Tâm	Thành viên	Đến ngày 19/01/2019
Bà Đinh Thị Bảo Yến	Thành viên	Đến ngày 19/02/2019
Bà Dư Thiện Minh Trang	Thành viên	Từ ngày 19/02/2019
Ông Phạm Nguyễn Linh	Thành viên	Từ ngày 19/02/2019

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 12 năm 2019

Thay mặt Hội đồng Quản trị  
Chủ tịch

Trần Văn Hậu

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



Từ Thanh Phụng



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu và công ty con, được lập ngày 6 tháng 12 năm 2019, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu và công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc

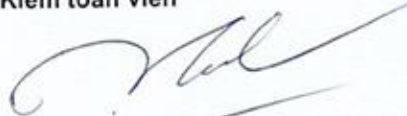
Kiểm toán viên



Nguyễn Anh Tuấn

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1559-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 12 năm 2019



Nguyễn Văn Tinh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3919-2017-152-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>599.736.314.694</b>	<b>580.816.523.603</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>8.757.555.529</b>	<b>5.655.648.463</b>
1. Tiền	111		8.757.555.529	5.655.648.463
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		<b>22.425.918.329</b>	<b>20.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	22.425.918.329	20.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>352.252.496.086</b>	<b>349.985.564.452</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	334.265.473.366	340.765.982.980
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	15.487.234.910	7.383.888.235
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.499.787.810	1.835.693.237
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	V.6	<b>208.384.965.347</b>	<b>187.325.573.149</b>
1. Hàng tồn kho	141		208.384.965.347	187.325.573.149
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>7.915.379.403</b>	<b>17.849.737.539</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.280.884.582	1.494.908.533
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.634.494.821	16.354.829.006
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>342.252.023.996</b>	<b>372.062.816.027</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		<b>7.001.402.204</b>	<b>7.190.864.607</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	7.001.402.204	7.190.864.607
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>253.364.371.858</b>	<b>302.718.347.336</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	128.341.852.210	158.722.480.785
- Nguyên giá	222		200.679.416.698	222.195.773.090
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.337.564.488)	(63.473.292.305)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	28.465.786.798	35.462.465.332
- Nguyên giá	225		38.186.047.767	47.241.844.411
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.720.260.969)	(11.779.379.079)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	96.556.732.850	108.533.401.219
- Nguyên giá	228		102.281.820.014	113.027.012.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.725.087.164)	(4.493.611.031)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	240		<b>19.823.120.850</b>	<b>14.311.043.278</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	19.823.120.850	14.311.043.278
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	250		<b>32.475.500.000</b>	<b>16.715.500.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	900.000.000	900.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	31.325.500.000	15.815.500.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	250.000.000	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>29.587.629.084</b>	<b>31.127.060.806</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	29.587.629.084	31.127.060.806
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>941.988.338.690</b>	<b>952.879.339.630</b>





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		654.836.069.112	677.679.932.818
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		534.145.321.513	534.633.969.928
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	93.501.928.947	127.635.020.432
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.912.558.991	2.741.397.098
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7.556.142.520	12.653.810.207
4. Phải trả người lao động	314		11.236.594.493	9.501.639.134
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		99.234.019	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	1.372.800.000	5.808.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	5.312.872.170	7.232.349.490
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	413.108.400.551	368.993.185.950
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		44.789.822	68.567.637
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		120.690.747.599	143.045.962.890
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	19.030.307.500	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	11.854.775.000	30.854.775.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	89.805.665.099	112.191.187.890
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		287.152.269.578	275.199.406.812
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.17	287.152.269.578	275.199.406.812
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		211.012.440.000	199.070.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		211.012.440.000	199.070.530.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46.428.827.960	46.428.827.960
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.100.000)	(10.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.508.887.768	4.019.289.456
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.212.213.850	25.690.859.396
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		91.729.505	1.210.943.813
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.120.484.345	24.479.915.583
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	440		941.988.338.690	952.879.339.630

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Thanh Vân*

Nguyễn Thị Thanh Vân  
Ngày 6 tháng 12 năm 2019

Kế toán trưởng

*Phạm Thị Bích Như*

Phạm Thị Bích Như

Tổng Giám đốc



*Từ Thanh Phụng*

Từ Thanh Phụng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.110.978.346.446	1.033.216.336.014
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	334.283.599	374.542.294
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.110.644.062.847	1.032.841.793.720
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.014.712.530.647	939.470.933.869
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		95.931.532.200	93.370.859.851
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	5.903.065.233	12.336.405.740
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	39.154.985.506	39.447.152.745
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		37.891.153.113	37.081.229.757
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	12.429.255.610	16.745.023.104
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	19.191.333.443	19.832.424.554
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.059.022.874	29.682.665.188
12. Thu nhập khác	31	VI.8	1.115.557.284	592.786.635
13. Chi phí khác	32	VI.9	818.773.227	104.231.253
14. Lợi nhuận khác	40		296.784.057	488.555.382
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.355.806.931	30.171.220.570
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	6.235.322.586	5.691.304.987
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.120.484.345	24.479.915.583
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		25.120.484.345	5.517.290.785
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71	VI.11	1.196	1.165

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Vân  
Ngày 6 tháng 12 năm 2019

Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích Như



Tổng Giám đốc

Từ Thanh Phụng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	31.355.806.931	30.171.220.570
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	16.970.594.579	18.980.229.333
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(7.727.905)	656.076.656
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.210.360.567)	(11.691.450.796)
- Chi phí lãi vay	06	37.891.153.113	37.081.229.757
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	<b>80.999.466.151</b>	<b>75.197.305.520</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	26.274.214.162	(115.926.753.743)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(21.059.392.198)	32.386.355.522
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(32.246.922.004)	8.464.375.723
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.753.455.673	4.647.614.484
- Tiền lãi vay đã trả	14	(37.891.153.113)	(37.081.229.757)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.124.756.283)	(747.136.750)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.247.773.594)	(1.745.722.667)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>5.457.138.794</b>	<b>(34.805.191.668)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(14.514.114.824)	(11.443.946.784)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	26.812.226.406	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.675.918.329)	(27.000.000.000)
4. Tiền thu cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	21.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.510.000.000)	(33.885.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	52.125.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	1.356.352.776	874.034.128
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(9.531.453.971)</b>	<b>1.670.087.344</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	982.763.699.694	832.474.633.106
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(953.735.639.828)	(780.514.506.510)
3. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(9.905.428.193)	(8.885.783.697)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.948.147.800)	(13.128.442.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>7.174.483.873</b>	<b>29.945.900.699</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>3.100.168.696</b>	<b>(3.189.203.625)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>5.655.648.463</b>	<b>8.795.661.927</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.738.370	49.190.161
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	<b>8.757.555.529</b>	<b>5.655.648.463</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Vân

Ngày 6 tháng 12 năm 2019

Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích Như



Từ Thanh Phụng



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 13 tháng 9 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- .....

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất:

Tên Công ty	Tỷ lệ	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
<u>Công ty con:</u>			
Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu	65%	Lô C, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản ....
<u>Công ty liên kết:</u>			
Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc	30%	Lô CV-2, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa ....



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/10 năm trước và kết thúc vào ngày 30/09 của năm nay.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở hợp nhất

##### Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính của công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của công ty.

##### Các công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà Công ty có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết. Khi mua khoản đầu tư, chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư được kế toán như sau:

a) Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập khi xác định phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.

c) Các điều chỉnh đối với phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết sau ngày mua phải được thực hiện, ví dụ như sự suy giảm giá trị TSCĐ hoặc khấu hao TSCĐ dựa vào giá trị hợp lý của TSCĐ tại ngày mua.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Công ty.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

### Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ đang nằm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định...) phải được loại trừ hoàn toàn. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư.

## 2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

## 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	04 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 06 năm
- Quyền sử dụng đất	32 – 44 năm
- Chương trình phần mềm	05 – 08 năm

**7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc và thiết bị	07 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**8. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**b) Công ty liên doanh, liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận nợ phải trả và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



**BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**18. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**19. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

**Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	2.048.011.757	394.063.286
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.709.543.772	5.261.585.177
<b>Cộng</b>	<b>8.757.555.529</b>	<b>5.655.648.463</b>



BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Đơn vị tính: VND	
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
+ Tiền gửi có kỳ hạn bảo lãnh cho các khoản vay		22.425.918.329	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
		8.425.918.329	6.000.000.000	6.000.000.000
b) Đầu tư tài chính dài hạn		32.475.500.000	16.715.500.000	
- Góp vốn liên doanh		900.000.000	900.000.000	
+ Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc	30%	900.000.000	900.000.000	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác		31.325.500.000	15.815.500.000	
+ Công ty CP Thủy sản Năm Căn (15.952 CP)		159.520.000	159.520.000	207.376.000 (*)
+ Công ty CP Bao bi Thủy sản (6.598 CP)		65.980.000	65.980.000	(*)
+ Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu		-	5.000.000.000	(*)
+ Công ty TNHH Thực Phẩm Hùng Hậu	17%	30.600.000.000	10.090.000.000	(*)
+ Quý trái tim Hùng Hậu		500.000.000	500.000.000	(*)
c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn		250.000.000	250.000.000	
+ Trái phiếu (250 trái phiếu của AGR kỳ hạn đến 24/9/2026)		250.000.000	250.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>54.901.418.329</b>	<b>36.715.500.000</b>	

(\*) Tại ngày đầu năm và ngày cuối năm, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán này do các công ty này chưa niêm yết nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>334.265.473.366</b>	<b>340.765.982.980</b>
Phải thu khách hàng trong nước	297.023.531.796	321.437.373.764
Phải thu khách hàng nước ngoài	37.241.941.570	19.328.609.216
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>		
Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VII.1		

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Xây Dựng Hùng Hậu	1.164.740.945	1.164.740.945
Công ty CP Xây dựng Phát Triển Miền Tây	12.608.900.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh Sao Vàng	-	200.000.000
Các đối tượng khác	1.713.593.965	1.019.147.290
<b>Cộng</b>	<b>15.487.234.910</b>	<b>7.383.888.235</b>

**5. Phải thu khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.499.787.810</b>	<b>1.835.693.237</b>
Lãi tiền gửi dự thu	645.328.561	694.408.333
Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên	172.541.200	442.508.904
Phải thu khác	1.681.918.049	698.776.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>7.001.402.204</b>	<b>7.190.864.607</b>
Ký quỹ thuế tài chính - Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	5.637.758.800	5.185.533.800
Thuế GTGT tài sản thuê tài chính	1.334.658.404	1.976.345.807
Phải thu khác	28.985.000	28.985.000
<b>Cộng</b>	<b>9.501.190.014</b>	<b>9.026.557.844</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.464.963.864	-	2.057.709.609	-
Công cụ, dụng cụ	2.354.130.426	-	2.599.178.239	-
Thành phẩm	202.565.871.057	-	182.668.685.301	-
<b>Cộng</b>	<b>208.384.965.347</b>	<b>-</b>	<b>187.325.573.149</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.280.884.582</b>	<b>1.494.908.533</b>
Chi phí Bảo Hiểm chờ kết chuyển	215.725.855	282.778.662
Tiền thuê đất	818.592.672	722.366.645
Công cụ dụng cụ xuất dùng	14.590.910	35.750.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	231.975.145	454.013.226
<b>b) Dài hạn</b>	<b>29.587.629.084</b>	<b>31.127.060.806</b>
Tiền thuê đất (*)	28.996.618.059	30.339.728.742
Chi phí sửa chữa	591.011.025	782.529.032
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	4.803.032
<b>Cộng</b>	<b>30.868.513.666</b>	<b>32.621.969.339</b>

(\*) Trong đó: Tiền thuê đất trả trước một lần tại số 624 và 642 Âu Cơ, P.10, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với thời gian thuê từ 32 - 42 năm đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với giá trị còn phân bổ là 28.871.038.491 VND; Tiền thuê đất tại Lai Vung Đồng Tháp với giá trị còn phân bổ là 125.579.568 VND.

**BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	138.003.848,611	74.819.515,804	7.192.708,803	2.179.699,872	222.195.773,090
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	16.748.689,947	4.767.666,445	-	-	21.516.356,392
- Thanh lý, nhượng bán	16.748.689,947	4.767.666,445	-	-	21.516.356,392
Số dư cuối năm	121.255.158,664	70.051.849,359	7.192.708,803	2.179.699,872	200.679.416,698
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	22.588.171,748	34.144.986,837	4.864.242,747	1.875.890,973	63.473.292,305
Khấu hao tang trong năm	4.512.804,252	6.637.478,701	447.117,805	93.714,288	11.691.115,046
Thanh lý, nhượng bán	1.651.777,510	1.175.065,353	-	-	2.826.842,863
Số dư cuối năm	25.449.198,490	39.607.400,185	5.311.360,552	1.969.605,261	72.337.564,488
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	115.415.676,863	40.674.528,967	2.328.466,056	303.808,899	158.722.480,785
Tại ngày cuối năm	95.805.960,174	30.444.449,174	1.881.348,251	210.094,611	128.341.852,210
				<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCD hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay  
Nguyên giá TSCD hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

100.367.292,721  
12.892.136,872  
139.797.677,102  
10.311.551,473



BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Đơn vị tính: VND Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	42.569.516.469	4.672.327.942	47.241.844.411
Thuê tài chính trong năm	2.352.341.356	-	2.352.341.356
Thanh lý, nhượng bán	11.408.138.000	-	11.408.138.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>33.513.719.825</b>	<b>4.672.327.942</b>	<b>38.186.047.767</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	10.080.793.217	1.698.585.862	11.779.379.079
Khấu hao tang trong năm	3.463.962.416	584.040.984	4.048.003.400
Thanh lý, nhượng bán	6.107.121.510	-	6.107.121.510
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.437.634.123</b>	<b>2.282.626.846</b>	<b>9.720.260.969</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	32.488.723.252	2.973.742.080	35.462.465.332
Tại ngày cuối năm	26.076.085.702	2.389.701.096	28.465.786.798

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Đơn vị tính: VND Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	112.743.912.250	283.100.000	113.027.012.250
Mua trong năm	1.483.137.252	110.000.000	1.593.137.252
Thanh lý, nhượng bán	12.338.329.488	-	12.338.329.488
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>101.888.720.014</b>	<b>393.100.000</b>	<b>102.281.820.014</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.304.753.306	188.857.725	4.493.611.031
Khấu hao tang trong năm	1.193.094.686	38.381.447	1.231.476.133
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.497.847.992</b>	<b>227.239.172</b>	<b>5.725.087.164</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	108.439.158.944	94.242.275	108.533.401.219
Tại ngày cuối năm	96.390.872.022	165.860.828	96.556.732.850

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để  
thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

Số cuối năm	Số đầu năm
94.521.915.122	106.570.202.044

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza	1.878.034.091	1.878.034.091
Dự án nhà máy Thủy Sản Sa Đéc Đồng Tháp	2.531.860.514	2.097.996.878
Dự án Công trình HHA OFFICE	14.297.088.395	8.079.631.490
Dự án Công trình nhà máy Nha Môn	-	1.848.750.001
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	1.116.137.850	406.630.818
<b>Cộng</b>	<b>19.823.120.850</b>	<b>14.311.043.278</b>

**12. Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	93.501.928.947	93.501.928.947	127.635.020.412	127.635.020.412
Công ty TNHH MTV Thủy Sản Hiếu Lê CM	8.565.964.200	8.565.964.200	-	-
Công ty TNHH Hùng Cá	1.032.025.000	1.032.025.000	19.030.316.000	19.030.316.000
Các đối tượng khác	83.903.939.747	83.903.939.747	108.604.704.412	108.604.704.412
b) Phải trả người bán dài hạn	19.030.307.500	19.030.307.500	-	-
Công ty TNHH Hùng Cá (*)	19.030.307.500	19.030.307.500	-	-

(\*) Là khoản phải trả theo hợp đồng số 273/SCD/2016 và 217/SCD/2018 và phụ lục hợp đồng ngày 30 tháng 9 năm 2019. Thời hạn trả nợ đến ngày 30/09/2021.

**c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VII.1

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp / được hoàn	Số cuối năm
	Thuế giá trị gia tăng	816.972.794	2.317.949.327	2.120.359.861
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.857.876	4.857.876	-
Thuế nhập khẩu	-	5.204.867	5.204.867	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.697.804.668	6.235.322.586	11.124.756.283	4.808.370.971
Thuế thu nhập cá nhân	338.982.981	1.297.340.053	898.398.015	737.925.019
Thuế tài nguyên	4.206.000	58.504.400	46.977.280	15.733.120
Tiền thuê đất	1.795.843.764	2.467.686.599	3.283.979.213	979.551.150
Các loại thuế khác	-	237.233.582	237.233.582	-
<b>Cộng</b>	<b>12.653.810.207</b>	<b>12.624.099.290</b>	<b>17.721.766.977</b>	<b>7.556.142.520</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhận trước tiền cho thuê mặt bằng	1.372.800.000	5.808.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.372.800.000</b>	<b>5.808.000.000</b>
15. Phải trả khác	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>5.312.872.170</b>	<b>7.232.349.490</b>
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	2.949.859.944	3.987.571.374
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	114.336.900	118.858.900
Phải trả khác	2.248.675.326	3.125.919.216
b) <b>Dài hạn</b>	<b>11.854.775.000</b>	<b>30.854.775.000</b>
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu – Nhận góp vốn Hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SJ1 Plaza	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu (*)	7.854.775.000	7.954.775.000
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	-	18.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>17.167.647.170</b>	<b>38.087.124.490</b>

(\*) Công ty mượn của Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu theo hợp đồng vay mượn số 01-MT-2016 ngày 24/08/2016 và phụ lục hợp đồng số 01-MT-PL ngày 31/12/2017, thời hạn trả tiền trước ngày 31/12/2020.

- c) **Phải trả khác là các bên liên quan**  
Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VII.1

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuế tài chính

	Số cuối năm		Trong năm			Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Ngân hạn	413.108.400.551	413.108.400.551	999.320.737.184	955.205.522.583	368.993.185.950	368.993.185.950	
- Vay ngắn hạn (*)	390.328.357.729	390.328.357.729	976.540.694.366	925.834.749.763	339.622.413.126	339.622.413.126	
+ Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) (UOB)	22.968.976.933	22.968.976.933	74.291.604.844	51.322.627.911	-	-	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin (Sacombank)	141.385.476.750	141.385.476.750	294.865.963.350	257.926.060.600	104.445.574.000	104.445.574.000	
+ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	23.357.224.683	23.357.224.683	99.339.933.747	112.646.152.354	36.663.443.290	36.663.443.290	
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	42.218.370.500	42.218.370.500	140.290.220.600	136.298.962.100	38.227.112.000	38.227.112.000	
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	149.898.308.863	149.898.308.863	346.752.971.825	346.790.946.798	149.936.283.836	149.936.283.836	
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	10.500.000.000	10.500.000.000	21.000.000.000	20.850.000.000	10.350.000.000	10.350.000.000	
- Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	22.780.042.822	22.780.042.822	22.780.042.818	29.370.772.820	29.370.772.824	29.370.772.824	
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	5.028.800.000	5.028.800.000	5.028.799.996	5.028.800.000	5.028.800.004	5.028.800.004	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin (Sacombank)	10.840.116.000	10.840.116.000	10.840.116.000	10.130.844.000	10.130.844.000	10.130.844.000	
+ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	-	-	-	4.772.724.000	4.772.724.000	4.772.724.000	
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	6.911.126.822	6.911.126.822	6.911.126.822	9.438.404.820	9.438.404.820	9.438.404.820	





**BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(\*\*) Chi tiết các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn:

+ Chi tiết các khoản vay dài hạn:

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm			Phương thức đảm bảo
			Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	LD1511700300	120 tháng	3.200.040.000	14.666.450.000	17.866.490.000	Thế chấp
	LD1623700103	120 tháng	1.740.000.000	1.740.000.000	3.480.000.000	Thế chấp
	LD1623700088	60 tháng	4.530.000.000	27.180.000.000	31.710.000.000	Thế chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	LD1728500607	120 tháng	1.370.076.000	9.899.980.000	11.270.056.000	Thế chấp
	LAV201500825	60 tháng	328.800.000	82.200.000	411.000.000	Thế chấp
	LAV201600721	120 tháng	4.700.000.000	28.200.000.000	32.900.000.000	Thế chấp
<b>Cộng</b>			<b>15.868.916.000</b>	<b>81.768.630.000</b>	<b>97.637.546.000</b>	

+ Thuế tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam để mua máy móc, thiết bị, xe ô tô. Chi tiết các khoản thuế như sau:

Số hợp đồng thuê	Thời hạn thuê	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm		
		Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
2015-00063-001	60 tháng	350.385.849	-	350.385.849
2015-00136-001	60 tháng	1.361.992.931	-	1.361.992.931
2015-00178-001	48 tháng	190.632.198	-	190.632.198
2015-00191-001	60 tháng	1.056.728.962	616.425.236	1.673.154.198
2017-00028-001	60 tháng	3.134.324.928	5.746.252.350	8.880.587.278
2017-00108-001	36 tháng	372.362.472	-	372.362.472
2019-00016-001	48 tháng	251.190.418	770.089.326	1.021.279.744
2019-00057-001	48 tháng	193.509.064	904.258.187	1.097.767.251
<b>Cộng</b>		<b>6.911.126.822</b>	<b>8.037.035.099</b>	<b>14.948.161.921</b>





BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND				Tổng cộng	
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	187.805.970.000	52.061.107.960	(10.100.000)	1.935.474.500	23.739.801.634	265.532.254.094
Tăng vốn trong năm trước	11.264.560.000	(5.632.280.000)			(5.632.280.000)	-
Lãi trong năm trước					24.479.915.583	24.479.915.583
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi					(1.041.907.478)	(1.041.907.478)
Trích quỹ đầu tư phát triển					(2.083.814.956)	-
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2017					(13.145.710.900)	(13.145.710.900)
Giảm khác					(625.144.487)	(625.144.487)
Số dư cuối năm trước	199.070.530.000	46.428.827.960	(10.100.000)	4.019.289.456	25.690.859.396	275.199.406.812
Số dư đầu năm nay	199.070.530.000	46.428.827.960	(10.100.000)	4.019.289.456	25.690.859.396	275.199.406.812
Tăng vốn trong năm nay	11.941.910.000				(11.941.910.000)	-
Lãi trong năm nay					25.120.484.345	25.120.484.345
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi					(489.598.312)	(489.598.312)
Trích quỹ đầu tư phát triển					(489.598.312)	-
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2018					(11.943.625.800)	(11.943.625.800)
Giảm khác					(734.397.467)	(734.397.467)
Số dư cuối năm nay	211.012.440.000	46.428.827.960	(10.100.000)	4.508.887.768	25.212.213.850	287.152.269.578

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của các cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
	211.012.440.000	100,00	199.070.530.000	100,00
<b>Cộng</b>	<b>211.012.440.000</b>	<b>100,00</b>	<b>199.070.530.000</b>	<b>100,00</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	199.070.530.000	187.805.970.000
Vốn góp tăng trong năm	11.941.910.000	11.264.560.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	211.012.440.000	199.070.530.000
Cổ tức đã chia	23.885.535.800	18.777.990.900

**d) Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	21.101.244	19.907.053
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	21.101.244	19.907.053
- Cổ phiếu phổ thông	21.101.244	19.907.053
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu mua lại</b>	1.010	1.010
- Cổ phiếu phổ thông	1.010	1.010
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	21.100.234	19.906.043
- Cổ phiếu phổ thông	21.100.234	19.906.043
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

**18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
+ USD	203.495,69	204.183,50
+ EUR	205,79	216,71

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

a) Doanh thu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.110.978.346.446	1.033.216.336.014
<b>Cộng</b>	<b>1.110.978.346.446</b>	<b>1.033.216.336.014</b>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan**

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VII.1



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3.424.200	55.453.686
Hàng bán bị trả lại	215.884.399	-
Giảm giá hàng bán	114.975.000	319.088.608
<b>Cộng</b>	<b>334.283.599</b>	<b>374.542.294</b>

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.110.644.062.847	1.032.841.793.720
<b>Cộng</b>	<b>1.110.644.062.847</b>	<b>1.032.841.793.720</b>

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.014.712.530.647	939.470.933.869
<b>Cộng</b>	<b>1.014.712.530.647</b>	<b>939.470.933.869</b>

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.307.273.004	1.153.187.996
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	3.000.000.000	10.500.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.595.792.229	644.954.944
Cổ tức được chia	-	38.262.800
<b>Cộng</b>	<b>5.903.065.233</b>	<b>12.336.405.740</b>

6. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	37.891.153.113	37.081.229.757
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.263.832.393	2.365.922.988
<b>Cộng</b>	<b>39.154.985.506</b>	<b>39.447.152.745</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a) Chi phí bán hàng</b>	<b>12.429.255.610</b>	<b>16.745.023.104</b>
Chi phí nhân viên	5.899.223.293	5.091.807.189
Chi phí hoa hồng	329.210.319	526.011.236
Chi phí vận chuyển và bảo hiểm hàng hóa	3.446.920.284	8.811.176.737
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.753.901.714	2.316.027.942
<b>b) Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>19.191.333.443</b>	<b>19.832.424.554</b>
Chi phí nhân viên quản lý	12.597.327.782	12.189.075.526
Chi phí khấu hao	312.291.239	254.846.528
Các khoản chi phí quản lý khác	6.281.714.422	7.388.502.500

**8. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản	903.087.563	-
Thu nhập khác	212.469.721	592.786.635
<b>Cộng</b>	<b>1.115.557.284</b>	<b>592.786.635</b>

**9. Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp, truy thu thuế	804.828.551	6.225.244
Chi phí khác	13.944.676	98.006.009
<b>Cộng</b>	<b>818.773.227</b>	<b>104.231.253</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thu nhập từ hoạt động chế biến trong thủy sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính. Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.355.806.931	30.171.220.570
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.444.826.270	687.581.825
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.444.826.270	880.028.963
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	192.447.138
Tổng lợi nhuận tính thuế	32.800.633.201	30.858.802.395
Trong đó:		
+ Lợi nhuận tính thuế 15%	6.496.081.081	9.609.109.856
+ Lợi nhuận tính thuế 20%	26.304.552.120	21.249.692.539
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>6.235.322.586</b>	<b>5.691.304.987</b>

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.120.484.345	24.479.915.583
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.256.024.217)	(1.223.995.779)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	1.256.024.217	1.223.995.779
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.864.460.128	23.255.919.804
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.961.663	19.961.663
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)</b>	<b>1.196</b>	<b>1.165</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 19/01/2019, Quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm tính theo tỷ lệ 2% lợi nhuận hợp nhất sau thuế và trích thù lao HĐQT, BKS tạm tính theo tỷ lệ 3% lợi nhuận hợp nhất sau thuế.

(\*\*) Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm trước và Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố do ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2019 và điều chỉnh giảm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản Trị, Ban kiểm soát.

**12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	888.982.289.498	797.723.853.076
Chi phí nhân công	98.246.517.775	91.954.936.646
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.970.594.579	18.980.229.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.224.643.120	12.099.191.246
Chi phí khác bằng tiền	13.259.992.304	10.386.314.592
<b>Cộng</b>	<b>1.032.684.037.276</b>	<b>931.144.524.893</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.949.181.293	2.025.000.333

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan	Chi hộ tiền điện Doanh thu dịch vụ	73.267.864 770.179.513

Cho đến ngày cuối năm, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu, (phải trả) VND
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan	Phải trả người bán Phải thu khách hàng	(27.753.095) 542.215.357

**2. Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Xuất khẩu	277.277.868.067	351.287.547.124
Trong nước	833.366.194.780	681.554.246.596
<b>Cộng</b>	<b>1.110.644.062.847</b>	<b>1.032.841.793.720</b>

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất chế biến thủy sản nên không trình bày báo cáo bộ phận.

**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

### 4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

#### Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Đơn vị tính : VND Tổng cộng
<b>Số cuối năm</b>	<b>509.072.575.743</b>	<b>120.690.747.599</b>	<b>629.763.323.342</b>
Vay và nợ thuê tài chính	413.108.400.551	89.805.665.099	502.914.065.650
Phải trả cho người bán	93.501.928.947	19.030.307.500	112.532.236.447
Chi phí phải trả	99.234.019	-	99.234.019
Các khoản phải trả khác	2.363.012.226	11.854.775.000	14.217.787.226
<b>Số đầu năm</b>	<b>499.872.984.442</b>	<b>143.045.962.926</b>	<b>642.918.947.368</b>
Vay và nợ thuê tài chính	368.993.185.914	112.191.187.926	481.184.373.840
Phải trả cho người bán	127.635.020.412	-	127.635.020.412
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	3.244.778.116	30.854.775.000	34.099.553.116

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không có. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**6. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**7. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 đã được kiểm toán.

**8. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Vân  
Ngày 6 tháng 12 năm 2019

Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích Như



Từ Thanh Phụng





**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01.2019/BKS-HHA

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 12 năm 2019



## **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019**

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát năm 2019.

Ban Kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2019 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu như sau:

### **I. CÁC CÔNG TÁC ĐÃ THỰC HIỆN CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2019**

- Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ với mục đích thẩm định báo cáo tài chính từng quý, tham khảo ý kiến của Hội Đồng quản trị (HDQT) trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HDQT, Ban Tổng Giám đốc và các cuộc họp khác của Công ty.
- Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty năm 2019. cụ thể như sau:
  - Xem xét tinh pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2019 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.
  - Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 đối với HDQT và Ban Tổng Giám đốc.
  - Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.
  - Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

### **II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**





- Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tập trung vào các mục tiêu tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ điều lệ công ty. Các nghị quyết ban hành trong các cuộc họp của Hội đồng Quản trị có nội dung phù hợp với Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ.
- Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật và Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.
- Hội đồng quản trị đã ban hành nhiều Nghị quyết liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT; Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.
- Trong năm 2019 Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:
  - Bổ nhiệm Ông Từ Thanh Phụng giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kể từ ngày 05/09/2019.
  - Thôi nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với Ông Trần Thanh Hương kể từ ngày 05/09/2019.
  - Bổ nhiệm Bà Cao Trinh Thị Thúy Vy giữ chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kể từ ngày 08/08/2019.
  - Bổ nhiệm Bà Phạm Thị Bích Như giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kể từ ngày 12/02/2019.
  - Thôi nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với Ông Nguyễn Minh Hoàng kể từ ngày 12/02/2019.
  - Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm thay thế ông Từ Thanh Phụng giữ chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kể từ ngày 14/01/2019.
  - Thôi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với Ông Đinh Nhân Thiên Phúc kể từ ngày 07/01/2019.

### III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho từng thành viên điều hành các công việc trong công ty, thực hiện triển khai nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, nghị quyết của hội đồng quản trị đến các thành viên trong Ban Tổng giám đốc, các phòng ban nghiệp vụ để thực hiện.
- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:
  - Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 31.356 triệu đồng, thấp hơn kế hoạch là 3.644 triệu đồng, tương ứng với tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch là 89,59%.

N.Đ.P  
C  
N.Đ.P  
H  
PHU





- Về điều hành sản xuất và quản lý chất lượng: Thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm TCVN ISO 9001:2008; tiêu chuẩn BRC; ASC; HALAL; HACCP và theo tiêu chuẩn của khách hàng.
  - Về chế độ chính sách cho người lao động: Công ty thực hiện đúng Luật lao động, hợp đồng lao động, việc chi trả lương/ thưởng theo đúng chính sách Công ty quy định.
  - Về công tác tài chính: Công ty luôn có những quyết định tài chính đúng đắn góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Nhận xét của Ban kiểm soát:
- Các hoạt động của Công ty trong năm vừa qua thực hiện đúng theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán cũng như điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT.
  - Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho Doanh nghiệp niêm yết.

#### **IV. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2019**

##### **1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019**

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam. áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.
- Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty là rõ ràng và đáng tin cậy.
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV Tư Vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AASCN) là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.
- Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/09/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

##### **2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019**

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.
- Ban kiểm soát chưa phát hiện thấy sai sót mang tính trọng yếu ảnh hưởng đến tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### **3. Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 30/09/2019 (Đơn vị tính: Đồng)**

1.920  
CÔNG  
CỔ PHẦN  
NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU  
T.P.H





<b>A. TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN</b>	<b>NGÀY 30/09/2019</b>	<b>NGÀY 01/10/2018</b>
<b>I- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>599.736.314.694</b>	<b>580.816.523.603</b>
I.1 Tiền và các khoản tương đương tiền	8.757.555.529	5.655.648.463
I.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	22.425.918.329	20.000.000.000
I.3 Các khoản phải thu ngắn hạn	352.252.496.086	349.985.564.452
I.4 Hàng tồn kho	208.384.965.347	187.325.573.149
I.5 Tài sản ngắn hạn khác	7.915.379.403	17.849.737.539
<b>II. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>342.252.023.996</b>	<b>372.062.816.027</b>
II.1 Các khoản phải thu dài hạn	7.001.402.204	7.190.864.607
II.2 Tài sản cố định	253.364.371.858	302.718.347.336
II.3 Tài sản dở dang dài hạn	19.823.120.850	14.311.043.278
II.4 Đầu tư tài chính dài hạn	32.475.500.000	16.715.500.000
II.5 Tài sản dài hạn khác	29.587.629.084	31.127.060.806
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>941.988.338.690</b>	<b>952.879.339.630</b>
<b>III. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>654.836.069.112</b>	<b>677.679.932.818</b>
III.1 Nợ ngắn hạn	534.145.321.513	534.633.969.928
III.2 Nợ dài hạn	120.690.747.599	143.045.962.890
<b>IV. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>287.152.269.578</b>	<b>275.199.406.812</b>
IV.1 Vốn góp của chủ sở hữu	211.012.440.000	199.070.530.000
IV.2 Thặng dư vốn cổ phần	46.428.827.960	46.428.827.960
IV.3 Cổ phiếu quỹ	(10,100,000)	(10,100,000)
IV.4 Quỹ đầu tư phát triển	4.508.887.768	4.019.289.456
IV.5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.212.213.850	25.690.859.396
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>941.988.338.690</b>	<b>952.879.339.630</b>

<b>B. KẾT QUẢ KINH DOANH</b>	<b>NĂM 2019</b>	<b>NĂM 2018</b>
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.110.644.062.847	1.032.841.793.720
2. Doanh thu hoạt động tài chính	5.903.065.233	12.336.405.740
3. Thu nhập khác	1.115.557.284	592.786.635
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.355.806.931	30.171.220.570
5. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.120.484.345	24.479.915.583
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.196	1.167

#### 4. Đánh giá hiệu quả hoạt động

- Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Chi tiêu	Kế hoạch năm 2019 (Triệu đồng)	Thực hiện năm 2019 (Triệu đồng)	Thực hiện năm 2018 (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%) TH/KH 2019	Tỷ lệ (%) TH 2019/ TH 2018





Doanh thu	1.035.000	1.110.644	1.032.842	107,31%	107,53%
Lợi nhuận trước thuế	35.000	31.356	30.171	89,59%	103,93%

- Nhận xét đánh giá một số chỉ tiêu tài chính tại ngày 30/09/2019

Các chỉ tiêu phân tích tài chính

Chi tiêu	Đơn vị	Tại ngày 30.09.2019	Tại ngày 01.10.2018
<b>1. Cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	36,33%	39,05%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	63,67%	60,95%
<b>2. Cơ cấu vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	69,52%	71,12%
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	30,48%	28,88%
<b>3. Khả năng thanh toán</b>			
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,12	1,09
<b>4. Tỷ suất sinh lời</b>			
- Lợi nhuận trước thuế/Vốn CSH	%	10,92%	10,96%

- Đánh giá chung
  - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu năm 2019 là 10,92% thấp hơn năm 2018 là 10,96% nguyên nhân chủ yếu do vốn chủ sở hữu tăng 4,34% so với năm 2018 nhưng lợi nhuận kế toán trước thuế chỉ tăng 3,93% so với năm 2018.
  - Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) tại ngày 30/09/2019 là 1,12 lần > 1 Công ty đảm bảo khả năng thanh toán, đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn.
  - Số dư nợ ngắn hạn tại ngày 30/09/2019 là 534 tỷ đồng, nếu so với số dư tài sản ngắn hạn là 600 tỷ đồng thì khoản nợ ngắn hạn là hợp lý và an toàn cao.
  - Tỷ lệ nợ phải trả/nguồn vốn chủ sở hữu là 2,3 lần chứng tỏ hoạt động của Công ty vẫn dựa vào 02 nguồn vốn chủ yếu là vốn chủ sở hữu và vốn vay, tuy nhiên việc sử dụng vốn vay cũng có ưu điểm đó là chi phí lãi vay sẽ được trừ vào thuế thu nhập doanh nghiệp và gia tăng tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu.

## V. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2019

1. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019.
2. Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH DV Tư Vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AASCN) thực hiện kiểm toán các BCTC hợp nhất năm 2019.
3. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HƯNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 1280





4. Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019 theo đúng tờ trình đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua.
5. Hoàn thành việc công bố thông tin phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết số 06.2019/NQ-HĐQT ngày 03/06/2019.
6. Hoàn thành việc sửa đổi điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận ĐKKD, đăng ký chứng khoán bổ sung với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết bổ sung với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo Nghị quyết số 08.2019/NQ-HĐQT ngày 31/07/2019.

#### **VI. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA CÁC PHÒNG BAN**

- Trong năm việc phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận luôn được hỗ trợ, thực hiện một cách chặt chẽ theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.
- Ban kiểm soát không nhận được đơn yêu cầu hoặc khiếu nại của bất kỳ cổ đông nào trong năm 2019.
- Ban kiểm soát luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực của Cấp Lãnh đạo, các Phòng ban trong quá trình làm việc điều này đã tạo điều kiện tốt cho công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

#### **VII. KIẾN NGHỊ**

- Kết quả kinh doanh năm vừa qua đã thể hiện sự cố gắng, nỗ lực rất lớn của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc để Công ty đạt được những thành quả trên, tuy nhiên để đạt được kết quả kinh doanh tốt hơn vẫn là cần đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ phải thu, kiểm soát hàng tồn kho cũng như kiểm soát năng suất sản xuất và chi phí thực tế phát sinh so với kế hoạch.
- Trên đây là báo cáo của BKS Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu trình trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.

Xin chân thành cảm ơn ./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

*Đinh Thị Bảo Yên*





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01.2020/BC-HĐQT

TP. HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2019

## **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM TÀI CHÍNH 2019 VÀ ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH NĂM TÀI CHÍNH 2020**

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu trân trọng trình bày Báo cáo hoạt động của HĐQT năm tài chính 2019 và định hướng hoạt động năm tài chính 2020 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 như sau:

### **I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM TÀI CHÍNH 2019:**

Kinh tế - xã hội nước ta 09 tháng năm 2019 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có xu hướng tăng trưởng chậm lại với các yếu tố rủi ro, thách thức gia tăng. Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung diễn biến khó lường, căng thẳng chính trị leo thang ở Vịnh Ba Tư và bất ổn chính sách gia tăng trên toàn cầu. Các tổ chức quốc tế liên tục đưa ra dự báo thiếu lạc quan về tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2019.

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hàng thủy sản sau 02 tháng tăng trưởng liên tục (tháng 7/2019 tăng 9,8%, tháng 8/2019 tăng 2,6%), thì sang tháng 9/2019 sụt giảm 10,1% so với tháng 8/2019, đạt 731,31 triệu USD. Tính chung 09 tháng đầu năm 2019 đạt trên 6,22 tỷ USD, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm 2018.

Dự báo xuất khẩu thủy sản 03 tháng cuối năm 2019 khó đạt mức tăng trưởng cao như cùng kỳ năm 2018. Nguyên nhân do năm 2019 xuất hiện nhiều yếu tố khó lường, tác động đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam như: Xung đột thương mại, giá cả tăng cao, đặc biệt là sự cạnh tranh giữa các quốc gia cùng xuất khẩu. Hiện nay công nghệ nuôi trồng thủy sản của các nước phát triển khá mạnh, Trung Quốc, Malaysia bắt đầu nuôi cá tra; Thái Lan, Ấn Độ ngày càng kiểm soát tốt bệnh trong nuôi tôm và trứng mùa.

Ngoài ra, ảnh hưởng của tăng trưởng kinh tế thế giới 2019 dự báo giảm và các nước trên thế giới có xu hướng quay lại tập trung đầu tư cho phát triển nông nghiệp, cũng tác động không nhỏ đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Dự báo xuất khẩu tôm cả năm 2019 sẽ đạt khoảng 3,4 tỷ USD, giảm 4%, xuất khẩu cá tra đạt 2,23 tỷ USD, giảm 3% so với năm 2018.

### **1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty:**

#### **a. Chi tiêu sản xuất kinh doanh, tài chính:**

- Tổng doanh thu đạt **1.110.644.062.847** đồng, bằng 108% kế hoạch năm 2019 và bằng 108% so với năm 2018.







- Lợi nhuận trước thuế đạt **31.355.806.931** tỷ đồng, bằng 90% kế hoạch năm 2019 và bằng 104% so với năm 2018.
- Tổng tài sản tại ngày 30/9/2019 đạt 941.988.338.690 đồng, giảm 01% so với cùng thời điểm của năm 2018.
- Tài sản ngắn hạn tại ngày 30/9/2019 đạt 599.736.314.694 đồng, tăng 03% so với cùng thời điểm của năm 2018.
- Tài sản dài hạn tại ngày 30/9/2019 đạt 342.252.023.996 đồng, giảm 08% so với cùng thời điểm của năm 2018.
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/9/2018 đạt 287.152.269.578 đồng, tăng 04% so với cùng thời điểm của năm 2018.

#### **b. Tăng vốn điều lệ:**

- Hoàn thành việc tăng vốn cổ phần thông qua phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2019 nên vốn điều lệ được tăng từ 199.070.530.000 đồng thành 211.012.440.000 đồng. Vốn điều lệ mới đã góp phần nâng cao hình ảnh và quy mô doanh nghiệp cũng như tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty.
- Công ty niêm yết và giao dịch số lượng cổ phiếu tăng thêm cùng với việc sửa đổi điều lệ và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được thực hiện kịp thời.

#### **c. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực:**

- Thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ về bảo hiểm, tiến lương, tiến thưởng và các phúc lợi theo quy định của pháp luật Nhà nước và Công ty.
- Từ tháng 1/2019, Công ty CP Nông nghiệp Hưng Hậu đã có đợt điều chỉnh tăng lương bình quân 6,9% và áp dụng chế độ thưởng hàng tháng theo kết quả kinh doanh.

#### **d. Sản xuất:**

- Công ty mở rộng sản xuất các mặt hàng GTGT chủ lực tại cả hai Nhà máy thông qua việc đẩy mạnh sản lượng dựa vào ưu thế vùng miền để sản xuất hàng GTGT tại nhà máy số 3 – HAF và nhà máy số 1 - HA1, qua đó đáp ứng được nhu cầu thị trường và khách hàng.
- Tình hình chế biến mặt hàng thủy sản tại Nhà máy số 3 – HAF cũng từng bước đi vào ổn định và đảm bảo cho các đơn hàng xuất khẩu kể từ tháng 1/2019.
- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm được duy trì và phát huy tốt thông qua việc vận hành các hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HACCP, HALAL để kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng. Vì vậy, trong năm qua tình hình sản phẩm đạt chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu thị trường.

## **2. Đánh giá tình hình hoạt động và thù lao HĐQT năm tài chính 2019:**

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HUNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128







Hội đồng Quản trị Công ty đã triển khai các hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật hiện hành. Trong năm tài chính 2019, HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp HĐQT và xin ý kiến bằng văn bản.

Các cuộc họp được chuẩn bị chu đáo, các nội dung họp sát với tình hình kinh tế xã hội và tập trung vào các vấn đề như: định hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư phát triển, công tác quản trị.... Các nghị quyết hoặc các quyết định của HĐQT đều được các thành viên thống nhất 100%, đảm bảo phù hợp với chủ trương chính sách của Nhà nước. Nhờ đó, duy trì ổn định mọi mặt hoạt động của Công ty, cụ thể những nội dung đã thông qua như sau:

- Xem xét phê duyệt kết quả thực hiện SXKD định kỳ hàng quý và phương hướng quý sau để có chỉ đạo cụ thể đến Ban Tổng Giám đốc.
- Giám sát công tác điều hành sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý của Ban Tổng Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Quyết định công tác bổ nhiệm/ miễn nhiệm nhân sự chủ chốt thuộc thẩm quyền HĐQT.
- Quyết định và giám sát chặt chẽ công tác đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT.
- Giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu trọng tâm, phát triển sản phẩm chủ lực, nâng cấp nhà xưởng, đầu tư mới và đại tu máy móc thiết bị đúng quy định, nhanh chóng và tiết kiệm, đáp ứng tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2019 vào ngày 19/01/2019.
- Tổ chức lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông năm 2019 vào ngày 27/08/2019.
- Chi trả cổ tức năm 2018 là 12%/ vốn điều lệ, trong đó tiền mặt là 6% và chi trả bằng cổ phiếu là 6% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2019.
- Giám sát thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp tại Sở kế hoạch và Đầu tư TP. HCM về bổ sung ngành nghề, thay đổi vốn điều lệ và người đại diện pháp luật.
- Chỉ đạo công tác công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về kết quả hoạt động SXKD, báo cáo tài chính định kỳ theo đúng quy định.
- Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Trong năm tài chính 2019, HĐQT đã tập trung giám sát, chỉ đạo và thực hiện tốt các nhiệm vụ theo tinh thần nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, duy trì ổn định các hoạt động của Công ty.

Thù lao của các thành viên HĐQT, BKS trong năm 2019 là 3% lợi nhuận sau thuế. Thuế TNCN phát sinh cá nhân tự đóng (*căn cứ Nghị quyết HĐQT ngày 19/01/2019*).

1204  
ÔNG  
Ồ PH  
G NG  
VG H  
T. P. H





### 3. Đánh giá kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2019 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trong quá trình điều hành, Ban Tổng Giám đốc luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, linh hoạt, sáng tạo, đồng thời thường xuyên báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT, với những công việc:

- Thực hiện quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của HĐQT để triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp.
- Tình hình tài chính được kiểm soát hiệu quả.
- Vốn Chủ sở hữu bảo toàn và phát triển năm sau cao hơn năm trước.
- Thực hiện đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin chính xác, minh bạch, giúp cho các nhà đầu tư hiểu rõ về Công ty.
- Bảo trì, bảo dưỡng và đại tu hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị đúng quy định, nhanh chóng và có tiết kiệm, đáp ứng tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đổi mới, sắp xếp đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty, thực hiện tốt các chính sách tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện ăn ở, sinh hoạt cho người lao động và chế độ phúc lợi cho người lao động qua đó đảm bảo việc làm ổn định cho 100% người lao động trong Công ty với mức thu nhập bình quân tăng hơn 6.9% so với năm 2018.

### 4. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên:

STT	NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2019	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
1	Bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh: - Mã ngành 46691: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.	Đã hoàn thành 100%
2	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ vốn cổ phần.	Đã hoàn thành 100%.
3	Chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2019.	Công ty kiểm toán là 01 trong 04 Công ty là Công ty TNHH Tư vấn TCKT và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).
4	Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát: 3% LNST.	Thực hiện thù lao HĐQT, Ban kiểm soát 3% LNST.

## II. Phương hướng kế hoạch năm tài chính 2020:





## 1. Các chỉ tiêu cơ bản:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm tài chính 2020
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.100.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	33.000
3	Cổ tức dự kiến	%/ năm	12

## 2. Các giải pháp thực hiện:

- Triển khai Dự án Nhà máy mới (HAC) tại Khu CN Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp bên cạnh Nhà máy HAF dự kiến hoàn thành trước ngày 30/09/2020.
- Cải tạo cơ sở vật chất và đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ cho các Nhà máy hiện tại theo định hướng sản xuất công nghiệp quy mô lớn với nguồn nguyên liệu từ nông nghiệp.
- Ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào thông qua việc tiếp tục tìm kiếm nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài; đồng thời xây dựng chuỗi liên kết từ Nhà cung cấp – Nhà sản xuất – Khách hàng để kiểm soát chất lượng nguồn gốc sản phẩm và nâng cao giá trị sản phẩm đầu ra.
- Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị công ty, cải tiến kỹ thuật, tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống ERP để nâng cao năng suất làm việc, cập nhật số liệu sản xuất kinh doanh một cách kịp thời, qua đó góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm đồng thời hỗ trợ Ban Giám đốc kịp thời trong các quyết định sản xuất kinh doanh hàng ngày.
- Đa dạng hóa sản phẩm đầu ra, phát huy thế mạnh và vị thế những sản phẩm hiện hữu và nghiên cứu cho ra nhiều dòng sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Tiếp tục triển khai chiến lược tăng năng lực tài chính và mở rộng quy mô hoạt động. Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tìm kiếm, lựa chọn đối tác chiến lược về tài chính để hỗ trợ, bổ sung cho nguồn vốn lưu động và phục vụ công tác đầu tư – xây dựng cơ bản.
- Xây dựng và áp dụng các chương trình tiết giảm chi phí sản xuất, bán hàng và quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc để Nông nghiệp Hung Hậu luôn là môi trường hấp dẫn và nâng cao sức sáng tạo, cống hiến, gắn bó của người lao động với Công ty.

## III. PHÂN KẾT LUẬN

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được trong những năm qua, cùng với định hướng phát triển qui mô hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tới, Công ty CP Nông nghiệp Hung Hậu cũng đã thực hiện duy trì ổn định kế hoạch mục tiêu đặt ra và đảm bảo đầy đủ lợi ích cho cổ đông.



Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Ban Tổng Giám đốc và tập thể CBNV của Công ty sẽ tiếp tục nắm bắt cơ hội, tiếp tục hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kế hoạch năm tài chính 2020.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu năm tài chính 2019 và phương hướng hoạt động kế hoạch năm tài chính 2020. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chân thành của quý vị cổ đông để giúp cho hoạt động của HĐQT ngày càng tốt hơn.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng CĐ;
- HĐQT Công ty;
- Ban Kiểm soát;
- Ban TGD Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



TRẦN VĂN HẬU







**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02.2020/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2019

## **TỜ TRÌNH**

**V/v: Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu  
Năm tài chính 2020**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu,
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 của Công ty CP NN Hùng Hậu.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019:

STT	Chi tiêu	Đơn vị	Số tiền
<b>A</b>	<b>Nguồn</b>	<b>Đóng</b>	<b>25.212.213.850</b>
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2019	Đóng	25.120.484.345
2	Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm 2019	Đóng	91.729.505
<b>B</b>	<b>Phân phối</b>	<b>Đóng</b>	<b>24.968.691.304</b>
1	Quỹ phúc lợi (2% lợi nhuận sau thuế năm 2019)	Đóng	502.409.687
2	Quỹ đầu tư phát triển (2% lợi nhuận sau thuế năm 2019)	Đóng	502.409.687
3	Thù lao HĐQT, BKS (3% lợi nhuận sau thuế năm 2019)	Đóng	753.614.530
4	Cổ tức năm 2019 (11% vốn điều lệ)	Đóng	23.210.257.400
	- Bảng tiến mặt 6%/ vốn điều lệ	Đóng	12.660.140.400
	- Bảng cổ phiếu 5%/ vốn điều lệ	Đóng	10.550.110.000
<b>C</b>	<b>Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2020</b>	<b>Đóng</b>	<b>243.522.546</b>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**TRẦN VĂN HẬU**

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 1280





**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03.2020/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2019

## **TỜ TRÌNH**

**V/v: Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu**  
**Năm tài chính từ ngày 01/10/2018 đến hết ngày 30/9/2019**

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2013 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 162/2015/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ tình hình kinh doanh và nhu cầu sử dụng vốn,

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2020 thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với nội dung như sau:

1. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu
2. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
3. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
4. **Vốn điều lệ hiện nay:** 211.012.440.000 đồng
5. **Số lượng cổ phiếu đã phát hành:** 21.101.244 cổ phiếu

**Trong đó:**

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 1280







- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 21.100.234 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.010 cổ phiếu

#### 6. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến:

- **Vốn điều lệ trước phát hành:** 211.012.440.000 đồng (*Bảng chữ: Hai trăm mười một tỷ, không trăm mười hai triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn*)
- **Số vốn điều lệ dự kiến tăng:** 10.550.110.000 đồng (*Bảng chữ: Mười tỷ, năm trăm năm mươi triệu, một trăm mười nghìn đồng*).
- **Vốn điều lệ sau khi phát hành:** 221.562.550.000 đồng (*Bảng chữ: Hai trăm hai mươi một tỷ, năm trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

#### 7. Phương án phát hành cụ thể như sau:

- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm tài chính từ 01/10/2018 đến 30/09/2019.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông (thời điểm chốt danh sách được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định).
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 1.055.011 cổ phiếu.
  - Giá trị phát hành tính theo mệnh giá: 10.550.110.000 đồng (*Bảng chữ: Mười tỷ, năm trăm năm mươi lăm triệu, một trăm mười nghìn đồng*).
  - Tỷ lệ số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 5%
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 20:01. Cứ một cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền nhận thêm cổ phiếu. Cứ 20 quyền nhận thêm cổ phiếu sẽ được nhận thêm 01 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có): Số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.

Vi dụ: Cổ đông A sở hữu 115 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 20:01, cổ đông A được nhận  $(115/20 \times 1 = 5,75)$  5 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A được nhận thêm 5 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu lẻ 0,75 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.
- Nguồn vốn: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 đã được kiểm toán.
- Thời gian thực hiện: Dự kiến Quý I – Quý II/2020 (sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận).







- h. Thông qua việc đăng ký niêm yết bổ sung và đăng ký lưu ký bổ sung với sổ cổ phiếu phát hành thêm với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
- i. Thông qua việc thay đổi Điều lệ (mục vốn điều lệ) và thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN.

#### 8. Ủy quyền HĐQT:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:

- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành như trên.
- Chủ động xây dựng hồ sơ gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện phát hành cổ phiếu cho các đối tượng theo chủ trương của Đại hội đồng cổ đông;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện việc phát hành cổ phiếu.
- Thực hiện các thủ tục niêm yết và đăng ký lưu ký bổ sung sổ cổ phiếu phát hành thêm với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
- Thực hiện thay đổi Điều lệ (mục vốn điều lệ) và thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN;
- Các công việc khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu nhằm đảm bảo cho đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ được thành công.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



TRẦN VĂN HẬU





**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04.2020/TTr-DHĐCĐ

TP. HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2019

## **TỜ TRÌNH**

**V/v: Phương án phát hành chào bán chứng khoán ra Công chúng**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính từ ngày 01/10/2019**  
**đến ngày 30/09/2020**

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2013 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 162/2015/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ tình hình kinh doanh và nhu cầu sử dụng vốn.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành chào bán cổ phiếu ra Công chúng với nội dung như sau:

1. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
2. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
3. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
4. **Vốn điều lệ hiện nay:** 211.012.440.000 đồng
5. **Số lượng cổ phiếu đã phát hành:** 21.101.244 cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 1280





**Trong đó:**

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 21.100.234 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.010 cổ phiếu

**6. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến:**

- Vốn điều lệ trước phát hành: 211.012.440.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm mười một tỷ, không trăm mười hai triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn).
- Số vốn điều lệ dự kiến tăng: 221.552.450.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi một tỷ năm trăm năm mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 443.115.000.000 đồng. (Bằng chữ: Hai trăm mười lăm tỷ ba trăm sáu mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

**7. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 22.155.245 cổ phiếu**

**8. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 221.552.450.000 đồng**

**9. Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu.**

**10. Phương án phát hành chào bán chứng khoán ra Công chúng cụ thể như sau:**

- Hình thức phát hành: Chào bán chứng khoán ra công chúng.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông (thời điểm chốt danh sách được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định).
- Mục đích phát hành: Bổ sung vốn lưu động.
- Giá chào bán dự kiến: **13.000 đồng/ cổ phiếu.**
- Nguyên tắc xác định giá phát hành:

Nguyên tắc xác định giá chào bán được tính theo giá trung bình (có tính đến trọng số) của 2 phương pháp sau:

- Phương pháp so sánh chi số giá cổ phiếu/thu nhập mỗi cổ phiếu P/E (gọi tắt là phương pháp so sánh P/E).
- Phương pháp so sánh chi số giá cổ phiếu trên/ giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu P/BV (gọi tắt là phương pháp P/BV).

**❖ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 30/09/2019:**

$$\begin{aligned} \text{Số lượng cổ phiếu đang} \\ \text{lưu hành tại thời điểm} &= \text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ} \\ & \text{30/09/2019} \\ &= 21.101.244 - 1.010 = 21.100.234 \text{ cổ phiếu} \end{aligned}$$







#### ❖ Giá trị sổ sách:

Giá trị sổ sách của cổ phiếu SJ1 tại thời điểm 30/09/2019 theo BCTC cho giai đoạn từ 01/10/2018 đến 30/09/2019 đã được kiểm toán:

$$\begin{array}{r} \text{Giá trị} \\ \text{sổ sách} \\ \text{cổ} \\ \text{phiếu} \end{array} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{287.152.269.578}{21.100.234} = 13.609 \text{ đồng/CP}$$

#### ❖ Phương pháp so sánh P/E

Phương pháp này dựa trên thu nhập kết quả kinh doanh 4 quý gần nhất tính đến thời điểm 30/09/2019 của SJ1 và hệ số giá trên thu nhập (P/E) bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Chi tiêu	ĐVT	Số liệu
Thu nhập trên 1 cổ phiếu 4 quý gần nhất (a)	VNĐ/CP	1.191
Hệ số bình quân P/E của ngành (b)	Lần	5,90
<b>Giá cổ phiếu dự kiến theo phương pháp so sánh P/E (a*b)</b>	<b>VNĐ/CP</b>	<b>7.021</b>

#### ❖ Phương pháp so sánh P/BV

Phương pháp này dựa trên giá trị sổ sách ngày 30/09/2019 của SJ1 và hệ số giá trên giá trị sổ sách (P/BV) bình quân của các công ty cùng đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Chi tiêu	ĐVT	Số liệu
Giá trị sổ sách ngày 30/09/2019 (a)	VNĐ	13.609
Hệ số bình quân P/BV của ngành (b)	Lần	1,25
<b>Giá cổ phiếu dự kiến theo phương pháp P/BV(a*b)</b>	<b>VNĐ/cổ phiếu</b>	<b>17.007</b>

#### ❖ Kết luận về giá cổ phiếu

Phương pháp	Giá cổ phiếu	Tỷ trọng
Phương pháp so sánh P/E	7.021	40%
Phương pháp so sánh P/BV	17.007	60%
<b>Trung bình gia quyền (VNĐ/CP)</b>	<b>13.013</b>	<b>100%</b>

020  
:ÔN  
CỔ P  
NG M  
JNG  
T.P





Tính đến yếu tố thận trọng và pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành thêm, giá chào bán được đề nghị của cổ phiếu SJ1 là 13.000 đồng/ CP.

- f. Số lượng phát hành dự kiến: 22.155.245 cổ phiếu (Hai mươi hai triệu một trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi lăm cổ phiếu).
- g. Tổng giá trị đợt phát hành theo mệnh giá: 221.552.450.000 đồng (Hai trăm hai mươi một tỷ năm trăm năm mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).
- h. Phương thức phân phối : Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm theo tỷ lệ 01:01 (Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu có 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua thì sẽ được mua 01 cổ phiếu mới).

Vi dụ : cổ đông A sở hữu 115 cổ phiếu sẽ được mua thêm 115 cổ phiếu phát hành thêm ( $115 \times 1/1 = 115$  cp).

- i. Quyền mua cổ phiếu: Cổ đông không thực hiện quyền mua cổ phiếu mới thì được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ ba). Thời gian chuyển nhượng và cách thức tiến hành sẽ ủy quyền cho Hội đồng quản trị lên kế hoạch thực hiện.
- j. Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành: Vốn thu được từ việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Kế hoạch sử dụng vốn lưu động chi tiết sẽ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.
- k. Phương án xử lý số lượng cổ phiếu lẻ và số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết sau đợt chào bán (nếu có):

Do tỷ lệ thực hiện quyền là 01:01 nên không có cổ phiếu lẻ. Số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu từ chối mua (nếu có) sẽ được ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối với giá bán không thấp hơn giá phát hành của đợt phát hành này cho cổ đông hiện hữu. Số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết được HĐQT phân phối cho đối tượng khác này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Vi dụ: Cổ đông A sở hữu 115 cổ phiếu. Như vậy cổ đông A được quyền mua thêm 115 cổ phiếu mới với giá 13.000 đồng/ Cổ phiếu. Trường hợp Cổ đông A không mua thì Hội đồng Quản trị công ty sẽ quyết định chào bán cho đối tượng khác.

- l. Số lượng cổ phiếu không phân phối/ chào bán hết sau khi kết thúc đợt phát hành được coi như chưa phát hành, và tổng số cổ phiếu phân phối/ chào bán được của đợt này sẽ được tính tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công. Ủy quyền cho HĐQT cân đối sử dụng số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán để bổ sung vốn lưu động nhằm mang lại hiệu quả hoạt động cao nhất cho Công ty.





- m. Thời gian phát hành: Quý I - Quý II/2020 (Sau khi được ĐHCĐ thông qua kế hoạch phát hành, phương án phát hành tăng vốn điều lệ và được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận)
- n. Cam kết đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán có tổ chức: Công ty cam kết thực hiện niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thành công trong vòng 30 ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán.
- o. Mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau phát hành:

Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu có thể xảy ra khi SJ1 thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với giá bán ưu đãi (thấp hơn thị giá của cổ phiếu đang lưu hành). Đối với đợt phát hành tăng vốn điều lệ của SJ1, có một số lưu ý đối với nhà đầu tư về rủi ro pha loãng giá cổ phiếu như sau:

Tổng số cổ phiếu chào bán: 22.155.245 cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Công ty với giá phát hành là 13.000 đồng/cp.

Giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh vào ngày giao dịch không hưởng quyền theo công thức sau:

$$P_{tr} = \frac{(PR_{t-1} \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng CP phát hành thêm})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành} + \text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm}}$$

*Trong đó:*

- $P_{tc}$  : là giá tham chiếu cổ phiếu cần xác định trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn điều lệ, đây là giá cần xác định.
- $PR_{t-1}$ : là giá chứng khoán trên thị trường trước ngày giao dịch không hưởng quyền.
- $PR$  : là giá phát hành.

*Vi dụ:*

Giả sử giá cổ phiếu SJ1 vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 19.000 đồng/cổ phiếu ( $PR_{t-1}$ ). Tổng số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu là 22.155.245 cổ phần. Giá chào bán là 13.000 đồng/cp. Số lượng cổ phần hiện tại đang lưu hành là 21.100.234 cổ phần. Như vậy, ngày giao dịch không hưởng quyền giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh như sau :

$$P_{tc} = \frac{(19.000 \times 21.100.234) + (13.000 \times 22.155.245)}{21.100.234 + 22.155.245} = 15.927 \text{ đồng/ cổ phiếu}$$

Ngoài ra, việc thay đổi vốn chủ sở hữu của SJ1 cũng làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng lợi nhuận, từ đó ảnh hưởng đến chỉ số EPS hiện tại của SJ1.





Tuy nhiên, những rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được và duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh sau đợt chào bán.

p. Chào mua công khai

Đồng ý cho Nhà đầu tư (ủy quyền cho HĐQT lựa chọn) khi thực hiện mua số cổ phiếu không phân phối hết cho các cổ đông hiện hữu sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai kể cả khi khối lượng mua vượt tỷ lệ quy định về chào mua công khai theo quy định tại Điều 32 Luật Chứng khoán và tại khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán (tỷ lệ sở hữu sau khi mua cổ phiếu từ 25% cổ phiếu đang lưu hành của công ty đại chúng hoặc sở hữu từ 25% cổ phiếu có quyền biểu quyết mua tiếp từ 10% trở lên hoặc mua tiếp từ 5% đến 10% cổ phiếu thời gian dưới 1 năm, kể từ ngày kết thúc đợt chào mua công khai trước đó)

11. Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ trên bản điều lệ công ty và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN.

12. Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung với Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) và đăng ký niêm yết bổ sung với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

13. Ủy quyền HĐQT

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:

- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành như trên;
- Chủ động xây dựng hồ sơ gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện phát hành cổ phiếu cho các đối tượng theo chủ trương của Đại hội đồng cổ đông;
- Quyết định phương án lựa chọn đối tượng, tiêu chí, phương thức phân phối với giá bán không thấp hơn giá phát hành của đợt phát hành này (13.000 đồng/ cổ phiếu) về số lượng cổ phiếu không phân phối hết của đợt phát hành (nếu có);
- Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn lưu động chi tiết nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Ủy quyền cho HĐQT công ty quyết định phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo Phương án phát hành theo đúng quy định của Pháp luật;
- Thực hiện thay đổi Điều lệ (mục vốn điều lệ) và thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCK;
- Thực hiện các thủ tục lưu ký, đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thành công sau đợt phát hành;





- Các công việc khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu nhằm đảm bảo cho đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ được thành công.

Hội đồng Quản trị Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN VĂN HẬU

1004





**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01.2020/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2019



## **TỜ TRÌNH**

**V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2020**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu  
Năm tài chính 2020**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ vào danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ tài chính ([www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn));
- Theo đề nghị của Ban kiểm soát và được sự thống nhất của HĐQT,

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung sau:

Giao Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán sau đây để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam; Công ty TNHH DV Tư Vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AASCN); Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt (Vietland); Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Trong trường hợp không đàm phán được với 04 Công ty trên, Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán khác nằm trong danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Đinh Thị Bảo Yên





**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05.2020/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2019

## **TỜ TRÌNH**

**V/v: Thay đổi cơ cấu quản trị kiểm soát Công ty**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CPNN Hùng Hậu**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;

Nhằm phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty và tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý điều hành. Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua, nội dung cụ thể như sau:

1. Thay đổi cơ cấu quản trị từ mô hình Ban Kiểm soát sang mô hình các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị có ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị độc lập làm trưởng ban.
2. Giải thể Ban Kiểm soát Công ty kể từ ngày 28/12/2019.
3. Nhằm sửa đổi cơ cấu quản trị của Công ty phù hợp với hoạt động kinh doanh, Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi cơ cấu quản trị của Công ty như sau:
  - Thông qua cơ cấu quản trị mới của Công ty theo Phụ lục đính kèm.
  - Ủy quyền Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phù hợp với cơ cấu quản trị mới của Công ty; thực hiện các thủ tục ban hành cơ cấu quản trị, Điều lệ, Quy chế đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



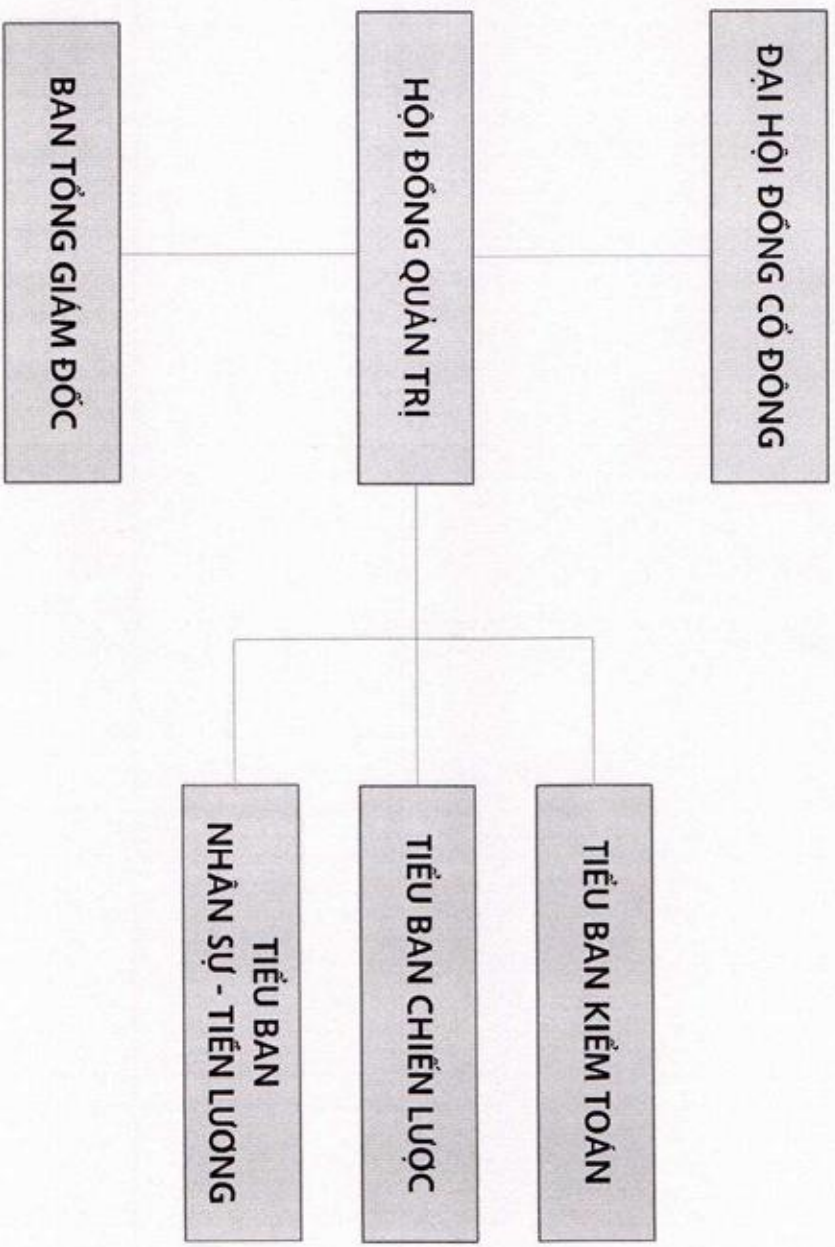
**TRẦN VĂN HẬU**

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 1280



PHỤ LỤC CƠ CẤU TỔ CHỨC  
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU





**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06.2020/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2019

## **TỜ TRÌNH**

**V/v: Thù lao Hội đồng quản trị và Thư ký HĐQT năm 2020**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu  
Năm tài chính 2020**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung sau:

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thư ký HĐQT năm 2020 là 3% lợi nhuận sau thuế.
- Thuế thu nhập cá nhân phát sinh, cá nhân tự đóng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**TRẦN VĂN HẬU**





**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07.2020/TTr-DHĐCD

TP. HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2019

## **TỜ TRÌNH**

**V/v: Đề xuất thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu**  
**Năm tài chính 2020**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 06/06/2017;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị với nội dung như sau:

1. Thành lập các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị:
  - Tiểu ban Kiểm toán.
  - Tiểu ban Chiến lược.
  - Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng.
2. Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh, bổ sung thành viên các Tiểu ban.
3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động của các Tiểu ban thông qua Báo cáo năm của Hội đồng quản trị trước Đại hội đồng cổ đông hằng năm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**TRẦN VĂN HẬU**



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08.2020/TTr-DHĐCĐ

TP. HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2019

## **TỜ TRÌNH**

**V/v: không thực hiện thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư dự án SJ1 Plaza**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu  
Năm tài chính 2020**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ Điều 11 theo Nghị quyết 10/NQ-DHĐCĐ ngày 28/4/2012;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung sau:

- Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2012, Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất thực hiện thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư dự án SJ1 Plaza. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai các đối tác không đồng ý thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty.
- Vì vậy, nội dung hợp tác đầu tư dự án SJ1 Plaza tiếp tục được triển khai thực hiện trong năm tài chính 2020.
- Ủy quyền Hội đồng quản trị tìm phương án thực hiện mới trong thỏa thuận hợp tác này và phải đảm bảo tính hiệu quả của dự án hơn phương án hợp tác đầu tư trước đây đã trình.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**TRẦN VĂN HẬU**





**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09.2020/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2019

## **TỜ TRÌNH**

**V/v: Đầu tư dự án Cụm công nghiệp An Hào**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu  
Năm tài chính 2020**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ Điều 11 theo Nghị quyết 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2012;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung đầu tư dự án Cụm công nghiệp An Hào, cụ thể như sau:

**1. Tên dự án: Cụm Công Nghiệp An Hào.**

**2. Địa điểm: Xã Long Hữu Đông, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An.**

**3. Mục tiêu thực hiện dự án:**

- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- Chế biến và bảo quản rau quả.
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hoá, máy móc, thiết bị, vật tư nguyên liệu, hoá chất, công nghệ phẩm.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí.
- Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác, bán buôn hoa và cây, bán buôn động vật sống, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác.
- Sản xuất sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột.
- Kinh doanh bất động sản.

**4. Quy mô đầu tư: Tổng diện tích 75 ha.**

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 1280





5. **Tổng vốn đầu tư:** 735.000.000.000 đồng.
6. **Thời gian hoạt động của dự án:** Tháng 09/2021.
7. **Hiệu quả của dự án:** Dự án có lợi nhuận kể từ năm 2027, tổng lợi nhuận đến năm 2039 dự kiến 915 tỷ đồng.
8. **Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:**
  - Triển khai thực hiện, điều chỉnh dự án (nếu cần) để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả không thấp hơn mức hiệu quả Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
  - Phê duyệt, quyết định các bước tiếp theo để triển khai thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở pháp luật hiện hành, Điều lệ và Quy chế của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN VĂN HẬU







**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10.2020/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2019

## **TỜ TRÌNH**

**V/v: Thực hiện bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ mới 2020-2025**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu  
Năm tài chính 2020**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc đề xuất phương án bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 với nội dung như sau:

### **1. Thông qua việc thực hiện bầu cử (07) thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025.**

Nhiệm kỳ vừa qua của Hội đồng quản trị đã kết thúc tốt đẹp. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thực hiện bầu cử (07) thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 theo Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **2. Điều kiện để cử, ứng cử:**

Cổ đông/nhóm cổ đông đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, thực hiện đúng thông báo của Hội đồng quản trị về việc hướng dẫn nộp hồ sơ ứng cử, để cử ứng viên tham gia Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025 có quyền tự ứng cử hoặc để cử thành viên Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 bầu tại Đại hội.

Trên đây là phương án bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 do Hội đồng quản trị đề xuất. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**TRẦN VĂN HẬU**

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 1280

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020 – 2025**

(áp dụng cho cổ đông)

**Kính gửi: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu**

Họ tên cổ đông: .....

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/GĐKKD số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Người đại diện theo pháp luật (nếu có): .....

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020): ..... cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020): ..... cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

**Đề nghị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cho tôi đề cử:**

1. Ông/Bà: .....

CMND/Hộ chiếu số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn: ..... Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

2. Ông/Bà: .....

CMND/Hộ chiếu số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn: ..... Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

3. ....

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Xin trân trọng cảm ơn!



**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản sao CMND/ Thẻ căn cước/ Hộ chiếu/ Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn *(nếu có)*
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

....., ngày..... tháng ..... năm 2019

**Người đề cử**

*(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020 – 2025**

*(áp dụng cho nhóm cổ đông)*

**Kính gửi: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu**

Người đại diện nhóm cổ đông: .....

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/GĐKKD số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

(đính kèm danh sách nhóm cổ đông)

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020) của nhóm cổ đông: ..... cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020) của nhóm cổ đông: ..... cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

**Đề nghị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cho tôi đề cử:**

1. Ông/Bà: .....

CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

2. Ông/Bà: .....

CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

3.....

.....

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Xin trân trọng cảm ơn!



**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản sao CMND/ Hộ chiếu/ Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có)
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

....., ngày..... tháng ..... năm 2019

**Người đại diện nhóm cổ đông đề cử**

*(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

**DANH SÁCH NHÓM CỔ ĐÔNG ĐÍNH KÈM  
GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG**

STT	Họ và tên	CMND/ ĐKKD	Địa chỉ thường trú	Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến ngày chốt DS)	Chữ ký cổ đông/ chữ ký đóng dấu nếu là tổ chức
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
....					
....					
.....					
.....					
<b>Tổng cộng</b>					



**GIẤY ĐỀ NGHỊ TỰ ĐỀ CỬ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020 – 2025**

**Kính gửi: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu**

Tôi tên là: .....

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:.....

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020):..... cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020):..... cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

Đề nghị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cho tôi được tự đề cử vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Xin trân trọng cảm ơn.

**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản sao CMND/ Thẻ căn cước/ Hộ chiếu/ Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

....., ngày..... tháng ... năm 2019

**Người tự đề cử**

*(ký và ghi rõ họ tên)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-000-

## GIẤY XÁC NHẬN TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN

*V/v: xác nhận sở hữu cổ phần*

**Kính gửi: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu**

Cổ đông: ....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN số: ... Ngày cấp: ... Nơi cấp: ...

Người đại diện theo pháp luật: ...

Hiện đang sở hữu: ...

Mã chứng khoán: SJ1

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ...

Từ ngày: .../.../... đến ngày .../.../... (Từ ngày ..... đến ngày .....).

Đề nghị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu xác nhận giúp chúng tôi các thông tin như trên.

Xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày..... tháng ....năm 2019

**Cổ đông**

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-000-

## GIẤY ĐỀ NGHỊ

*V/v: Xác nhận sở hữu cổ phần*

**Kính gửi:** Công ty Cổ phần Chứng khoán .....

Họ tên chủ tài khoản: .....

CMND/Hộ chiếu/GĐKKD số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....

Người đại diện theo pháp luật (nếu có): .....

Tài khoản số: .....

Hiện đang sở hữu:.....cổ phần

Mã chứng khoán: .....

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

Từ ngày:..... đến ngày.....

Đề nghị Công ty cổ phần ..... xác nhận giúp tôi/ chúng tôi các thông tin như trên.

Xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2019

**Chủ tài khoản**

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

-----o0o-----

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

(Dùng cho các ứng viên vào Hội đồng quản trị)

**Họ và tên** : .....

**Chức vụ hiện tại** : .....

**Ứng cử viên** : Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:

Giới tính:

Ngày tháng năm sinh:

Nơi sinh:

CMND:

-----, ngày cấp -----, nơi cấp: -----

Quốc tịch:

Địa chỉ thường trú:

Số ĐT liên lạc:

Trình độ chuyên môn:

Quá trình công tác: + Từ ... đến...

Các chức vụ công tác hiện nay tại  
tổ chức niêm yết:

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại  
tổ chức khác:

Các lợi ích liên quan đến Tổng

Công ty (nếu có)

Số CP nắm giữ (tại thời điểm

..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ

.....):

+ Đại diện sở hữu:

..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu:

..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người liên quan có nắm

1- Mối quan hệ: ... Tên cá nhân/tổ chức: ... năm

giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

giữ: ..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ

2- Mối quan hệ: ..., Tên cá nhân/tổ chức: ..... năm

giữ: ..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên.

....., ngày .... tháng ..... năm 2019

**Người khai ký tên, ghi rõ họ tên**